

THIÊN SƯ THÍCH THANH TỪ



TRUYỀN GIA BẢO
THIÊN TÔNG
TRỰC CHỈ
GIẢNG GIẢI

TRUYỀN GIA BẢO THIÊN TÔNG TRỰC CHỈ GIẢNG GIẢI

MỤC LỤC:

LỜI ĐẦU SÁCH.....	3
A. MẬT TRUYỀN THAM THIÊN YẾU PHÁP	4
B. CHỈ CHUNG MẬT TRUYỀN PHẬT PHÁP	34

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển Truyền Gia Bảo Thiên Tông Trục Chỉ của thiền sư Thiên Cơ. Ngài tên Thạch Thành Kim, hiệu Thiên Cơ đời Minh, là môn đệ trong dòng Lâm Tế. Quyển này là những lời chỉ dạy thiết thực để chúng ta học hiểu đường lối tu thiền cho vững. Thiên Tông Trục Chỉ là chỉ thẳng đường lối tu thiền, tư cách ý chí của người dụng tâm tu như thế nào cho có kết quả tốt. Chúng tôi không chủ trương tu thiền khán thoại đầu, nhưng mượn lời nhắc nhở thiết thực của ngài Thiên Cơ để thấy dù tu phương pháp nào cũng phải có đường lối, có ý chí quyết tâm thì mới thành công.

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

A. MẬT TRUYỀN THAM THIỀN YẾU PHÁP

Hạ thủ công phu tu thiền, điều cốt yếu thứ nhất phải lập chí vững chắc. Bởi vì chí là vị nguyên soái của khí lực. Nếu người lập chí vững chắc, như thống lĩnh trăm vạn quân, uy thế dậy trời, còn việc gì chẳng thành. Người hay sợ khó là tại lập chí không vững. Người chạy theo cảnh cũng tại lập chí không vững. Người nghe chê khen bèn dờn dỗi, giữa đường tự lùi, trước siêng sau lười, đều là chí không vững. Tôi thường tuyển đọc sách Tâm Pháp, mở đầu sách đã thấy nói: “Lập chí nếu vững đổi khó thành dễ.” Nay đối với công phu tu thiền cũng như thế.

Mật truyền tham thiền yếu pháp, tức là thâm truyền pháp thiết yếu để chỉ dạy người tu thiền.

Tu thiền phải lập chí cho vững. Chí vững thì đổi khó thành dễ, không vững thì từ dễ thành khó. Bước đầu trên đường tu trước phải phát nguyện lập chí cho thật vững.

Nhiều vị tu hành càng ngày càng tiến càng có kết quả tốt đẹp, cũng có nhiều vị tu một lúc rồi thôi Bồ-đề tâm, là tại sao? Tại pháp tu lỗi thôi hay tại mình lập chí không vững? Tại lập chí không vững. Vậy phải khẳng khái quyết định đi trên con đường tu cho tới cùng. Phải nhận định thấu đáo, hiểu biết tường tận rồi phát tâm, lập chí mới không bị trở ngại.

Chí vững thì sự ắt thành, tôi mượn việc đời để bàn điều này, ví như vua Việt phục thù vua Ngô, Trương Lương trả hận nước Hàn, Địch Nhân Kiệt tái hưng nhà Đường, thủy đều do chí quyết định mà việc được thành công đúng sở nguyện. Phật pháp cũng như thế.

Đây dùng tích xưa Trung Hoa để nhắc nhở người có chí làm gì cũng thành công.

Ngạn ngữ nói: “Người nam không chí như sắt lụt không cứng, người nữ không chí như cỏ thối không tươi.” Công phu tu thiền, chí này rất là tối yếu.

Người nam, người nữ không lập chí thì không làm gì được. Trên đường tu dù nam hay nữ đều lập chí cho vững, là điều tối yếu.

Đại sư Trung Phong ca rằng:

Cũng không khó cũng không dễ,

Chỉ quý nam nhi có thật chí, Thật chí sức đạo mới vững mạnh,

Sức mạnh tiến đạo như trò chơi.

Đây là phương pháp ứng nghiệm vậy.

Thiền sư Trung Phong có làm kệ: *Cũng không khó, cũng không dễ; Chỉ quý nam nhi có thật chí.* Người có thật chí thì không làm việc gì mà không thành, khó dễ là tùy người. Đừng than pháp tu khó, chỉ trách mình không có chí quyết định. Công phu tu thiền bước đầu phải cố gắng lập chí.

Hạ thủ công phu tu thiền hoàn toàn ở chỗ giác ngộ. Cần biết, phạm phu một niệm giác, tức một niệm là Phật. Phật một niệm chẳng giác, tức một niệm là phạm phu. Bởi vì giác tức là Phật, Phật tức là giác. Phật với phạm phu chỉ tại giác cùng chẳng giác mà thôi.

Tu là để giác ngộ. Một niệm giác là Phật, một niệm mê là phạm phu.

Thấy thân năm uẩn duyên hợp tạm bợ hư dối là giác, thấy năm uẩn là thật, lâu dài, dễ thương v.v... là mê. Vì mê cho thân là thật nên khi chết phải bỏ thân thì không vui, lúc nào cũng thầm nghĩ mình sống lâu dài, cố giữ những gì thuộc về sở hữu của mình và quý những gì bảo vệ được thân này. Nếu thấy thân giả dối tạm bợ, thì việc được mất không còn quan trọng.

Tâm người có giác tức là có Phật. Giác hay mở cửa lục độ, hay vượt qua kiếp hải ba a-tăng-kỳ, khắp làm lợi ích như cát bụi, khuếch trương phước tuệ, được sáu thứ thần thông, tròn đầy quả Phật trong một đời. Cảnh khổ trong địa ngục, nào vạc dầu sôi, sông băng, nghe đến giác liền biến thành hương lâm (rừng hương); uống nước đồng sôi, nuốt hoàn sắt nóng, nghe đến giác thấy đều sanh Tịnh độ.

Giác là gốc làm tan hết mọi khổ đau, khổ đau nhất là xuống địa ngục uống nước đồng sôi v.v... Nếu quá tin tưởng thân này tốt đẹp, cao quý mà bị người khinh thường chế giễu thì chúng ta đau khổ, mất ăn mất ngủ. Nếu thấy thân tạm bợ hư dối không quan trọng, dù bị khinh khi chê bai chúng ta chỉ cười thôi. Thế nên có trí tuệ thì không khổ, mê lầm thì chúng ta sẽ khổ dài dài.

Từ mê lầm về thân tới mê lầm những vật sở hữu, như nhà cửa xe cộ cũng cho là thật, mất đi hoặc bị phá hoại thì đau khổ. Nếu biết chúng là giả chỉ cười thôi.

Người hiểu đạo sống với tinh thần giác ngộ thì các khổ đau đều bị tiêu trừ. Kinh Bát-nhã nói: “Soi thấy năm uẩn đều không, liền qua tất cả khổ ách.”

Hạ thủ công phu tu thiền, tôi có một câu diệu quyết, chỉ bốn chữ “Kiên Trì Chánh Giác”.

Tu thiền có bốn chữ thiết yếu là “Kiên Trì Chánh Giác”. Kiên là vững chắc, trì là giữ. Ứng dụng pháp tu vững chắc không gì lay chuyển, là kiên trì. Kiên trì đúng tinh thần giác ngộ chân chánh là đúng với đạo, còn kiên trì không đúng chánh giác là đi lạc về tà. Vậy kiên trì chánh giác là giữ vững giác chân chánh không sai, không lệch.

Cốt biết tín lực là Kiên, nghĩa là kiên cố không biến đổi. Niệm lực là Trì, nghĩa là nắm giữ lâu mấy cũng không chán.

Kiên là có lòng tin rất mạnh, kiên cố không biến đổi. Trì là trì chí thực hành, dù tu hai năm, ba năm không thấy tiến, chúng ta vẫn không thôi chí chán nản. Lòng tin không biến đổi và sức tu không chán nản, gọi là kiên trì.

Chánh giác là tròn sáng soi khắp, không lệch chẳng thiếu. Người hay phát Chánh giác thì bản tánh tự nhiên hiển lộ, tất cả vọng tâm chẳng đợi đuổi dẹp mà tự hàng phục. Ví như ánh sáng mặt trời vừa soi thì tối tăm hết sạch. Đây tuy bốn chữ, kỳ thật chỉ một chữ Giác. Một chữ Giác này đều do Định Tuệ mà được.

Chánh giác là tròn đầy sáng soi trùm khắp, không lệch không thiếu, đó là giác thật. Còn giác mà thiên lệch bên này bên kia thì giác đó không tròn. Giác tròn đầy ví như mặt trời soi cùng khắp, không thiếu chỗ nào. Chúng ta tu là bỏ vọng về chân, bỏ dối về thật, là có hai bên rõ ràng, đó là giác thiên lệch. Khi vọng hết, tìm cái chân thật ở đâu? Biết cái giác ở sẵn trong mê, vọng niệm là mê, hết vọng niệm là giác chứ không có cái thật ở đâu. Thí dụ khi sóng nổi dậy ầm ầm dưới biển, sóng với nước là một hay hai? Thực chất không hai, sóng nào không phải là nước. Chính nơi sóng biết là nước, là thấy tột lẽ thật. Khi vọng lặng, tâm hằng tri hằng giác là tâm chân. Tìm cái chân riêng ở chỗ nào khác là còn thiên lệch, không đến được chân lý.

Chúng ta đang có tánh giác tròn khắp, vọng chỉ là trò chơi, không quan trọng không theo nó, khỏi phải đuổi dẹp gì cả. Biết tất cả suy nghĩ đều mê lầm, không thật, vừa nghĩ liền buông xả nhẹ nhàng, giống như ánh sáng mặt trời soi tới đâu thì mây mù tan tới đó. Giác này đều do định tuệ mà được.

Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Niệm khởi liền giác, giác nó liền không. Diệu pháp tu hành chỉ tại nơi đó. Ví như biết là giác mộng thì không còn mê.

Tổ nói *Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Niệm khởi liền giác, giác nó liền không.* Giác là biết niệm khởi hư dối, không giác thì thấy niệm khởi tưởng là thật.

Có người than tu hai ba năm mà lại thấy vọng hoài không hết, đâm ra chán, nghĩ mình tu không kết quả. Nếu tu thấy vọng dấy lên biết là vọng, tuy không hết mà có tiến. Ngày trước niệm khởi chúng ta chạy theo nó, đó là mê. Bây giờ biết nó là vọng, bỏ không theo, một lúc nó lặng, đó là giác.

Một lần niệm khởi mà không theo là một lần giác, một trăm lần niệm khởi là một trăm lần giác. Nếu một niệm khởi mà theo là một lần mê, một trăm lần niệm khởi là một trăm lần mê, suốt buổi ngồi thiền đều mê hết.

Khi niệm khởi là chúng sanh, liền giác biết nó hư dối, đó là Phật. Lúc đầu chúng ta chỉ mới biết niệm khởi là vọng, chúng ta đã có tiến bộ rồi, lâu dần nó tự giảm. Đến lúc nào ngồi lại chỉ sáng suốt tinh giác không có niệm nào, đó là Phật hoàn toàn.

Tu như vậy có hai bước tiến: Thứ nhất, có niệm khởi là có chúng sanh hiện, thì có Phật độ. Thứ hai, sau một thời gian ngồi thiền vọng tưởng giảm dần. Tiến bộ đó chỉ riêng mình biết, đừng mong được thầy ấn chứng, tự mình biết tiến tới đâu.

Niệm khởi không theo là giác, pháp môn tu luyện chính tại chỗ này, không dùng thần thông, không dùng bùa chú gì cả.

Như khi ngủ nằm mộng đang mừng hoặc đang sợ mà biết đây là mộng thì bớt sợ bớt mừng, đó là thức tỉnh. Cũng vậy, khi niệm khởi biết nó là vọng không theo, đó là chúng ta tỉnh. Việc tu thực tế vô cùng, đừng tưởng tượng sự màu nhiệm ở đâu đâu.

Người biết được cái giác này, cần yếu chấn khởi tinh thần như vị tướng quân đang ở trong trận, như vị quan tòa tại pháp đình, không được dính một mảy hôn trầm.

Ngồi thiền như ông tướng ra trận phải nhìn tường tận khắp chỗ, như quan tòa đang xử án phải nhớ từng lời khai trong bản án, chứ không được lơ mơ hôn trầm.

Chỗ thiết yếu là phải giác phải tỉnh, còn mơ mơ hôn trầm là đi vào mê. Ngồi thiền mà cứ gục lên gục xuống, gọi là đi trong hang quỷ, tối mờ tối mịt. Còn vừa hơi thiu thiu, tỉnh lại liền, mở mắt sáng, chấn chỉnh tinh thần, nhìn thẳng một hồi cho tỉnh. Ngồi thiền mà nhắm mắt có lợi cũng có hại. Lợi là con mắt ít cay, hại là dễ buồn ngủ. Người mới tu phải mở mắt nhìn rõ ràng, người tu lâu không bị gục có thể nhắm mắt được. Ngồi thiền cảnh tối dễ mơ, cảnh sáng thì ít buồn ngủ, vì vậy nên mở đèn hơi sáng, không mờ quá.

Tóm lại, ngồi thiền là tỉnh là sáng, không phải mơ mơ, cần phải chấn chỉnh tinh thần, không cho hôn trầm.

Hạ thủ công phu tu thiền cần phải lập chí cho vững, lại cần “thường hằng”. Nếu không thường hằng phần nhiều đến giữa đường bỏ cuộc, hoặc được chút ít rồi tự dừng, đều là tự bỏ. Thật đáng tiếc!

Chúng ta phải tu một cách thường hằng, luôn luôn tinh tấn tiến tới không dừng. Nếu dừng thì uổng công phu từ trước, đó là đáng buồn vì mình tự bỏ dở nửa chừng. Tu phải thường hằng, chừng nào giác ngộ như Phật mới thôi.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ gián đoạn. Nếu siêng tu một tháng đã lên bậc Thượng thừa, chỉ có gián đoạn năm, mười ngày thì bậc Thượng

thừa kia chẳng biết ở đâu? Lại chẳng được vịn vào sự siêng năng của tháng trước mà sanh ý lại.

Chúng ta tu đừng gián đoạn, nếu gián đoạn chỉ năm mười ngày thì dù đã lên bậc Thượng thừa cũng mất luôn. Đừng lấy có tháng trước tôi tinh tấn tu nhiều, tháng này cho tôi dừng nghỉ một chút cho đỡ mệt.

Như người đi đường xa, chạy gấp thì mệt, thả về thì không tiến, phải đều đều bước đi vừa chừng. Tu cũng vậy, phải luôn luôn tinh tấn trong nhẹ nhàng, nếu lười lại thì không tốt. Có tiến rồi thì phải tiến mãi không dừng, không gián đoạn.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ hôn trầm tán loạn. Cái hôn trầm tán loạn đều do chính mình lập chí không vững, lòng tin đạo không thiết tha mà đến như thế. Thật là đáng tiếc!

Tu thiền sợ nhất là tán loạn và hôn trầm. Hết tán loạn tới hôn trầm, hết hôn trầm trở về tán loạn, cứ như thế mà đổi thay liên miên. Đó là hai bệnh mà người tu thiền rất ngại.

Tại sao có hai bệnh đó? Bởi hai lý do: Một là do lập chí không vững. Hai là không tha thiết tin vào pháp tu. Cho nên người biết tu phải lập chí cho vững, tin chắc đường lối tu của mình là đúng, tán loạn hôn trầm sẽ giảm từ từ.

Hạ thủ công phu tu thiền hoàn toàn tại “tự tham tự ngộ”. Dù cho thân thiết như cha con thầy bạn đều không thể thay thế được, cũng không phải như kỹ nghệ ở thế gian có thể truyền trao cho được. Ví như người khác ăn cơm thì chỉ người ấy bụng được no, chứ bụng mình vẫn đói. Đại sư Huệ Tư nói: “Nguồn đạo chẳng xa, tánh biển chẳng cách, chỉ chính mình cầu, chớ từ nơi người mà tìm, tìm cũng chẳng được, dù được cũng chẳng chân.” Đây có thể gọi là cầu người chẳng bằng cầu nơi mình vậy.

Người tu thiền tự tu tự ngộ, không ai thay thế cho mình, dù thân thiết như cha con thầy bạn cũng không thể được. Không phải như nghề nghiệp thế gian, thầy trao cho trò, cha trao cho con. Việc tu phải mỗi người tự làm rồi kết quả tự nhận. Ví như ăn cơm, người ăn thì no, người không ăn không thể no được.

Đại sư Huệ Tư, thầy ngài Trí Khải có nói: *Nguồn đạo chẳng xa, tánh biển chẳng cách, chỉ chính mình cầu chớ từ nơi người mà tìm, tìm cũng chẳng được, dù được cũng chẳng chân.*

Tu là công lực của chính mình, không phải sức bên ngoài đem đến. Càng tu trí tuệ càng sáng, tâm càng thanh tịnh, người ngoài không làm cho chúng ta sáng suốt thanh tịnh được.

Hạ thủ công phu tu thiền ngày đêm hai mươi bốn giờ đều là giờ dụng công phu. Nếu canh năm ngủ thức dậy, hoặc gần sáng dậy sớm, áp dụng

công phu, thì công phu này kết quả gia bội. Cần biết, lúc trời rạng sáng là khí trời đất thanh sáng, cần phải nắm lấy, không nên thả trôi qua ngày.

Giờ nào cũng là giờ tu, nhưng cần yếu nhất từ ba giờ khuya tới năm sáu giờ sáng. Ở chùa thì ba giờ thức dậy tọa thiền tới rạng sáng, còn cư sĩ từ bốn giờ hoặc năm giờ tọa thiền tới sáng, là giờ tốt nhất.

Ấn Độ là một xứ khí hậu khắc nghiệt, mà đức Phật thành đạo vào mùa đông mát mẻ, lúc sao mai vừa mọc. Đó là lúc khí hậu thanh khiết, con người trong sáng tinh táo.

Nếu chúng ta bận rộn cả ngày, thà tối ngủ rồi khuya thức dậy tu. Tu buổi khuya tốt nhất, vừa mát mẻ vừa yên tĩnh. Cho nên *cần biết lúc trời rạng sáng là khí trời đất thanh sáng, cần phải nắm lấy, không nên thả trôi qua ngày.*

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng cần canh năm ngủ, canh ba dậy, chỉ sợ một ngày nóng mà mười ngày lạnh thôi.

Tu thiền chẳng cần thức suốt từ canh ba (12 giờ khuya) đến canh năm (3 giờ sáng) mới ngủ, quan trọng là tu cho đều, đừng một ngày nóng mười ngày lạnh, rồi lạnh luôn không còn nóng nữa.

Hạ thủ công phu tu thiền cần biết, ở trần thế có rất nhiều cảnh ác, như sanh già bệnh chết, lo buồn khốn khổ, vàm danh khóa lợi, gió sợ sóng hoảng, dù có chút ít vui vẻ cũng chỉ là hoa đóm giữa hư không chẳng thật, tạm thời không lâu. Cốt phải khấn cho thấu triệt, mới biết Phật pháp là việc cứu ta ra khỏi biển khổ, mới là mừng rỡ vui vẻ.

Người tu thiền phải nhìn cuộc đời cho tường tận thấu đáo. Ở thế gian nhiều cảnh ác làm cho mình đau khổ như sanh già bệnh chết. Có người nào sanh ra lớn lên mà khỏi già bệnh chết đâu! Hiện nay tuy mình đang trẻ, đang khỏe mà già, bệnh, chết đã chực sẵn. Chúng ta là tên tử tội bị bản án treo trước mắt mà không sợ sao? Cho nên phải tỉnh, phải sáng, phải cố gắng tu. Nhưng người đời ít ai nhớ già bệnh chết đến với mình, cứ lo buồn thương giận ghét, lo sự làm ăn thành công hay thất bại.

Còn thêm *vàm danh khóa lợi*. Danh là dây vàm cột mũi mình như cột mũi trâu dẫn đi đâu cũng phải đi. Lợi lộc như ống khóa, khóa chặt mình lại tung ra không nổi. Thí dụ người năm sáu mươi tuổi phát công làm ăn lập một xí nghiệp, làm một đực hai, làm hai đực ba. Năm nào làm ăn cũng đực, thì có thể gỡ ách đó mà chạy thoát đực không? Hay phải làm tới chừng nào hết nổi mới ngừng, đó là cái lợi khóa cứng mình không gỡ ra đực.

Rồi *gió sợ, sóng hoảng*, sợ hãi như gió lớn thổi mạnh, hoảng hốt như sóng to kéo tới. Thí dụ người làm ăn có xí nghiệp, nghe thanh tra đến kiểm thì hoảng

hốt lo sợ. Nếu làm ăn phát tài, được vui vẻ chút ít, cũng chỉ như hoa đóm giữa hư không, đâu có bền, đâu có thật.

Phải biết *Phật pháp là việc cứu ta ra khỏi biển khổ*, tu đến nơi đến chốn mới thật mừng vui.

Hạ thủ công phu tu thiền, nếu được mừng rỡ vui vẻ thì tự nhiên thay đổi dụng công, tự nhiên tinh tấn chẳng lười. Được mừng rỡ vui vẻ rồi, cần phải xem các việc khổ sở sanh già bệnh chết của người đời, đều là cái gương ta chẳng dụng công, vậy tại sao dám lơ là?

Nếu hạ thủ công phu tu được chút ít hỷ lạc, tự nhiên sự tu có thay đổi, có tiến thêm. Khi được vui chút ít, chúng ta cần phải xem lại những việc khổ sanh già bệnh chết của người đời, để lấy đó làm gương mà cố gắng dụng công, không thể lơ là, vì ngày mai chúng ta cũng sẽ chết như những người mới chết ngày nay.

Hạ thủ công phu tu thiền, rất sợ nói lời vô ích, chăm nom việc vô ích. Nói lời vô ích, chăm nom việc vô ích đều khiến tâm người tán loạn, tinh thần dao động, không có lợi lại có hại. Lại đem thời giờ quý báu thả trôi sông. Thật là đáng tiếc!

Người tu không nên nói những lời vô ích. Như kể chuyện năm trên năm dưới với bạn bè, cho như vậy là vui, những việc đó không có ích gì cho mình cho người, chỉ tăng thêm chuyện thị phi phải quấy thôi. Hoặc bị người mạ nhục thì tức trong bụng, kể cho nhiều người nghe, làm vết thương khắc ghi trong tâm càng to dần, muốn hàn gắn lại không phải dễ.

Khi ngồi thiền chúng ta đừng ôn đi ôn lại những chuyện vui buồn, cứ để cho nó qua. Nếu thường nhớ những lời tán thưởng hay phỉ nhục tới già không quên thì chết cũng mang theo. Kiếp sau ra đời sẽ tìm lại những người khen chê mình để trả ân trả oán. Đó là nhân luân hồi sanh tử.

Ai biết tu thì những việc vui buồn đều bỏ qua, coi như trò chơi không có gì quan trọng. Chúng ta chỉ nói đạo lý cần thiết, nếu nói những điều vô ích thì tâm tán loạn, thần dao động. Một giờ sống tinh táo sáng suốt quý như vàng ngọc, đừng để thời gian trôi qua vô ích.

Hạ thủ công phu tu thiền, nếu khi dụng công nhiều thì khó khỏi nhọc nhằn, cần phải đi bách bộ thông thả, đi thông thả để nuôi dưỡng tinh thần, đợi tinh thần thơ thới rồi lại khởi dụng công thì tự nhiên sáng suốt giác ngộ. Nếu tinh tấn đến khổ nhọc lờ đờ, đã lờ đờ lại khổ nhọc dụng công, thì không những tánh mờ tối chẳng lanh sáng, mà lại thân thể yếu đuối, bệnh tật phát sanh. Khi bệnh tật phát sanh thì công phu hết, thế là muốn mau mà trở thành chậm.

Nếu tu dụng công nhiều, ngồi thiền kìm chế quá thì xả thiền đầu hơi nặng, khó chịu, phải đi bách bộ thông thả cho tinh thần thanh thản lại, rồi tiếp tục tu, đừng để nhọc nhằn cố gắng kìm mãi mà phát cuồng phát loạn.

Trong kinh có câu chuyện một Tỳ-kheo tinh tấn tu đến quên ăn, bỏ ngủ suốt thời gian dài, mà sao càng ngày càng mờ mịt, ông sanh nghi nên đến hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn, tại sao con tinh tấn tu hành như vậy mà càng tu càng lờ đờ, mệt nhọc?” Phật dùng dụ sợi dây đàn: “Nếu dây đàn căng quá thì tiếng kêu chát hoặc có khi đứt, còn dòn quá thì không kêu, dây vừa chùng âm thanh mới vi diệu.” Cũng vậy, người tu điều hòa chùng mực, lấy đó làm bước tiến, đừng cố gắng đến mệt nhọc, đừng thả trôi rồi quên lãng.

Người tu làm việc gì cũng phải dụng công đúng mức trung đạo, thái quá không tốt. Trung đạo là không khổ hạnh đến mệt nhọc, cũng không bê tha giải đãi, phải tu vừa chùng thì mới tiến, đó là chỗ quan trọng.

Hạ thủ công phu tu thiền, một ngày qua phải thấy là một ngày tinh tấn. Nếu là lơ thơ lững thững, dù trải qua trăm kiếp ngàn đời cũng không có ngày được thành công. Người xưa khi dụng công, đốt một cây hương, thấy cây hương tàn rồi, liền tự nhắc rằng: “Công phu như trước không có thêm bớt, một ngày bao nhiêu cây hương, một năm bao nhiêu cây hương? Năm tháng dễ qua, ngày giờ không đợi người, việc lớn chưa sáng, ngày nào mới xong?” Do đó, đau xót hối tiếc, lại thêm phần cố gắng. Nhà nho Châu Văn Công nói: “Chớ bảo ngày nay chẳng học còn có ngày mai, chớ bảo năm nay chẳng học còn có năm tới, ngày tháng trôi qua, năm chẳng đợi người. Than ôi! Già rồi, lỗi bởi tại ai?” Công phu tu tập Phật pháp cũng như Nho học này, chỉ hai chữ “thời tập” là thành tựu một đời, chỉ bốn chữ “hãy đợi ngày mai” là sai lầm một đời.

Một ngày qua phải thấy là một ngày tinh tấn. Chúng ta tu phải luôn luôn tiến lên không dừng, ngày nay thấy mình khá hơn hôm qua một chút. Nếu tu cho có chừng, lơ thơ lững thững không cố gắng, biết ngày nào thành công!

Người xưa ngồi tu thắp một cây hương, hương tàn rồi thấy mình không tiến chút nào thì buồn. Còn chúng ta ngày nay ngồi tu coi cây hương tàn chưa, trông hết giờ để xả. Phải cẩn mật, phải thật tu, không nên trông cho hết ngày hết giờ.

Nhà Nho nói: “*Chớ bảo ngày nay chẳng học, còn có ngày mai...*” Chúng ta hay hẹn lần hẹn hội, năm nay công việc còn nhiều, để sang năm bớt việc rồi tu, năm nay chức vụ còn nhiều, để hưu trí hãy tu. Cứ hẹn lần như vậy không chịu tu liền, đến khi hưu trí rồi, biết còn khỏe mạnh hay không? Phải biết lúc nào khỏe tu ngay lúc ấy, nếu rảnh thì tu trọn vẹn, không rảnh thì tu từng phần.

Một ngày chia ra giờ nào làm việc cho người, giờ nào làm việc cho mình, không được thả trôi.

Chỉ hai chữ “thời tập” là thành tựu một đời. Chỉ bốn chữ “hãy đợi ngày mai” là sai lầm một đời. Thời tập là tu ngay bây giờ thì thành công, hãy đợi ngày mai là sai lầm. Chúng ta hiện giờ sai lầm nhiều hơn thời tập. Bữa nay có việc hẹn ngày mai tu, năm nay không khỏe hẹn năm sau tu... Hẹn lần hồi như vậy không tiến lên được. Phải hằng nhớ nhắc mình: “Tu ngay bây giờ, không đợi ngày mai.”

Hạ thủ công phu tu thiền, tuy không thể dừng chậm, mà cũng không thể quá gấp. Ví như người đi bộ giỏi, mỗi ngày có thể đi bộ được một trăm dặm, mà chỉ đi bộ bảy tám mươi dặm, thì khí lực còn thừa, gân cốt không mỏi; nếu ỷ vào sức mạnh đi hơn trăm dặm tự nhiên phải gắng đi thật nhanh, ắt sanh mỗi một thì ngày mai không thể đi nổi. Người hạ thủ công phu thường thường sanh bệnh hoạn đều do như thế.

Người tu phải biết sức của mình, tu vừa sức thì tiến, quá sức sanh bệnh, thả trôi cũng không được. Phải nhìn lại khả năng mà ứng dụng cho đúng là hay nhất.

Hạ thủ công phu tu thiền, nếu thân thể nhọc nhằn, cần phải dùng sức chuyển động hai vai đến trước lại sau, lên xuống vài chục lần thì thân thể điều hòa, huyết mạch lưu thông, tinh thần sáng khoái, chẳng sanh các bệnh. Đây là phương pháp Lộc Lô Song Quan của nhà tu dưỡng, nó cũng hay đuổi được khí lạnh.

Phương pháp Lộc Lô Song Quan là phương tiện tập cho ít bệnh trong khi tu. Mỗi khi xả thiền phải chuyển động hai vai trước sau lên xuống, mỗi động tác năm chục lần. Ngồi thiền lâu, hai bên gân cổ mỏi, lại là hai chỗ gió vô nên dễ bị cảm, tập chuyển động hai vai làm giãn gân cốt, bớt bệnh.

Hạ thủ công phu tu thiền, hoặc có người hỏi: “Chỉ lấy tham ngộ làm chủ, đâu cần bảo dưỡng thân thể?” Tôi sẽ đáp: Đây là mượn giả để tu thật. Ví như nấu trà, nếu không có lò lửa thì trà đâu thể tự chín, vả lại lò hư lửa tắt thì sức lạnh càng thêm. Việc nhỏ chẳng tốn bao nhiêu công, mà e việc lớn không nhất định thành, trái lại đến phí thời giờ, không kết quả. Người sáng tự hiểu đó.

Hỏi: Tu có kết quả là được rồi, dùng Lộc Lô bảo dưỡng thân thể thì có lợi gì? Đáp: Công phu bảo dưỡng này không tốn bao nhiêu công mà giúp thân khỏe mạnh, có lợi ích cho sự tu. Mượn giả để được chân, chẳng phải là chuyện vô ích.

Hạ thủ công phu tu thiền, ban ngày tinh tấn không biếng trễ, chẳng cần phải nói, phàm mỗi tối dụng công chỉ hơn một canh, không cần quá lâu. Nếu người quá nửa đêm không ngủ thì máu không trở về gan, hôm khác sanh bệnh là do tại đó. Lại có một hạng người hay mài luyện không nằm, đâu không biết công phu tu hành Phật pháp chẳng phải tại ngủ cùng không ngủ.

Ban ngày tu tinh tấn thì không cần nói. Buổi tối dụng công không cần quá lâu, khoảng hai tiếng là đủ, còn cư sĩ tu một tiếng rồi nghỉ, khuya tu nữa, không nên dụng công nhiều. Nếu tu tới quá nửa đêm không ngủ thì máu không về gan, sau sanh bệnh là tại mình tu không điều độ.

Có người tu khổ hạnh ngồi mãi không ngủ, đó là gốc sanh bệnh. Phật dạy tu phải điều độ, cần ngồi thì ngồi, cần nằm thì nằm, giờ giấc điều hòa. Nếu tu quá đáng, mất chừng mực, dễ sanh bệnh hoạn.

Hạ thủ công phu tu thiền, đi đứng nằm ngồi đều có thể dụng công. Hoặc ngồi lâu rồi cần phải đi đứng, hoặc đi lâu rồi cần phải ngồi lại, chẳng chuyên ngồi. Có người học ngồi luôn không nằm, Lục Tổ dạy: “Sống đây ngồi chẳng nằm, chết đi nằm chẳng ngồi, chỉ một bộ xương thú, sao lấy làm công khóa?” Đây thật rõ ràng về lẽ ngồi nằm vậy.

Có người lập công phu ngồi hoài không nằm, hoặc nằm hoài không ngồi, Phật không chấp nhận như vậy, tu là phải điều hòa. Lục Tổ nói: *Sống đây ngồi không nằm, chết đi nằm không ngồi, chỉ một bộ xương thú, sao lấy làm công khóa?* Tu là trí tuệ, là giác ngộ mà không lo, lại lấy hình thức, lấy thân thịt thú này bắt nó đứng, nó đi, nó ngồi, nó nằm cho là hay, là kỳ đặc. Phật không dạy như vậy, tất cả hình thức là phụ thuộc không đáng kể, chỉ cần điều hòa cho thân khỏe mạnh, trí tuệ sáng suốt là cần yếu.

Hạ thủ công phu tu thiền tối yếu phải phá tâm sanh tử cứng chắc, xem xét thể giới thân tâm đều là giả duyên không thật. Nếu không phát minh được đại sự sẵn đủ của mình, thì tâm sanh tử không thể phá. Tâm sanh tử đã không phá được, thì con quỷ vô thường niệm niệm chẳng dừng làm sao đuổi được. Phải lấy một niệm này làm hòn gạch gõ cửa. Ví như đang ngồi trong đồng lửa lớn cố tìm lối thoát ra, chạy quanh một bước cũng không được, dừng lại một bước cũng không được, sanh một niệm khác cũng không được, trông người khác cứu cũng không được. Chính khi ấy, cần phải chẳng ngại lửa mạnh, chẳng kể thân mạng, chẳng trông người cứu, chẳng sanh niệm khác, chẳng chịu tạm dừng, nhắm trước chạy thẳng, chạy ra rồi mới là người giỏi.

Tu không thể trông cậy vào người, phải tự phát minh việc lớn của chính mình. Như người đang ở giữa đồng lửa cháy đỏ rần rần, phải làm sao? Đứng

chờ người cứu không được, chỉ nhắm một lối chạy thẳng ra hoặc sống hoặc chết. Người tu cũng vậy, phải có một hướng đi, đi thẳng mãi, không trông không cầu không chờ đợi ai, quyết tâm đi thẳng tới mới tiến đến nơi đến chốn, mới thoát ly vòng sanh tử.

Hạ thủ công phu tu thiền cần lấy một chữ “tử” dán ở trên trán, xem thân thể máu thịt này như đã chết đi, chỉ cốt thấu rõ một niệm. Một niệm hiện tiền, như được cây Ý Thiên trường kiếm, nếu chạm mũi nhọn của nó không thể được, nếu cà nhám cọ lạt thì kiếm ấy bỏ đi vậy.

Người quyết tâm tu thiền cần dán chữ “tử” trên trán, nhớ mình sẽ chết một ngày nào đó để cố gắng tu hành không bê trễ. Giữ “một niệm hiện tiền”, đi đứng nằm ngồi không bao giờ quên mình, giống như có thanh trường kiếm Ý Thiên rất bén nhọn, nếu chạm mũi nhọn của nó không thể được, nếu cà nhám cọ lạt nó là hết xài. Người tu thiền phải luôn luôn tỉnh sáng, bén nhọn, không được bê trễ.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ say mê cảnh tịnh, nó khiến người chìm chỗ khô lạng mà không biết. Cốt hiểu rằng cảnh động nhiều người chán, cảnh tịnh đa số không sanh chán. Bởi vì người đời một bề ở chỗ ồn náo nên thích hợp với cảnh tịnh, như ăn kẹo ăn đường, như người mệt lâu thích ngủ, tự nhiên tham trước mà không tự biết, cần phải mau mau phá dẹp.

Người tu thiền khi tâm an tịnh chút ít cứ mên cảnh tịnh, muốn giữ cảnh ấy hoài. Vậy tịnh là tốt hay động là tốt? Đừng mắc kẹt hai bên, thích tịnh là bệnh, thích động cũng là bệnh. Trong cảnh tịnh hay cảnh động chúng ta vẫn luôn luôn tỉnh giác, đó là đúng, còn thích một bên là không tốt. Tu thiền đừng tham trước cảnh này cảnh kia, cho chỗ tịnh tu mới được, chỗ động tu không được. Vậy tìm chỗ tịnh ở đâu? Tận chân trời góc biển cũng không có chỗ tịnh.

Phật dạy trong kinh A-hàm, tu thiền mà có những tiếng động như những mũi nhọn châm chĩa vào tim vào phổi mình, nên tôi nghĩ kiếm chỗ nào thật thanh tịnh ở tu mới yên. Tôi bèn lên Bảo Lộc ở gần mé rừng. Mỗi khi chiều tối khi vượn kêu om sòm, rồi xe chở hàng chạy về Sài Gòn lên dốc cũng ồn, muốn tịnh mà động, chịu không nổi.

Ở Thành phố thì động đành rồi, ở rừng núi cũng động. Chỉ tâm tịnh thì cảnh nào cũng tịnh, tâm động thì cảnh nào cũng động. Tìm cho được cảnh tịnh thật là khó. Ở cảnh tịnh hay cảnh động đều có cái rắc rối của nó. Cho nên chúng ta ở đâu mà tâm thanh tịnh thì ở đó là tốt.

Ngồi thiền tâm dấy động mà thường tỉnh thường biết cũng tốt, còn tìm tâm cho thật yên tịnh lạng lẽ mà không biết gì, chưa phải là đúng.

Ngoại đạo dạy người khiến thân tâm đoạn diệt hóa thành cây khô tro lạnh, cũng từ nơi tịnh cảnh mà vào. Nếu lâu năm chầy tháng, khô lại càng khô, lạnh lại càng lạnh, sa vào chỗ không biết, thì cùng cây khô tro lạnh khác gì? Người hạ thủ công phu ở chỗ cảnh tịnh, cốt để phát minh một đoạn đại sự ở trong y áo của mình mà lâu rồi không biết, nay nhờ ở cảnh tịnh mới được. Cái đại sự đó tìm nơi tướng tịnh trọn không thể được, thể mới là được vậy.

Ngoại đạo dạy tu khiến thân tâm như cây khô tro lạnh cho là đúng, nếu còn hiểu biết thấy nghe là chưa đúng.

Trong nhà thiền có câu chuyện “Bà lão đốt am”. Khi xưa có một bà lão học thiền thâm nhuần sâu đậm. Một hôm có một vị tăng thích tu thiền đến nhờ bà cất cho cái thất ở chỗ vắng sau vườn để tu. Bà chấp thuận và mỗi ngày đem cơm cháo cúng dường. Sau một thời gian, bà dùng thuật để thử thầy, sai cháu gái đem cơm cúng dường. Khi thầy dùng xong, cô ôm thầy hỏi: “Ngay bây giờ thì thế nào?” Thầy đáp: “Khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí.” (Cây khô tựa núi lạnh, ba đông không hơi ấm). Cô gái buông ra đi về.

Trường hợp này đáng khen hay đáng chê? Khi xúc chạm thân người nữ, thầy không dấy động như cây khô tựa núi lạnh, thì thầy hay quá rồi. Thế mà khi cô gái về thuật lại, hôm sau bà lên đốt am đuổi thầy đi, có tàn nhẫn không?

Thời gian sau thầy trở lại xin bà cất am ủng hộ như lần trước, bà nghĩ chắc thầy tu có gì khác, nên đồng ý. Ít lâu sau, bà bảo cháu gái lên thử thầy lần nữa. Khi cô ôm thầy hỏi: “Ngay bây giờ thì thế nào?” Thầy trả lời: “Chỉ cô biết, tôi biết, đừng cho bà già ấy biết.” Trả lời như vậy tưởng là dở rồi, nhưng không phải. Sau khi cô gái thuật lại, bà già nói tu như vậy mới được. Rồi bà tiếp tục cúng dường ủng hộ thầy.

Bà già thấy thế nào lại khen câu “Chỉ tôi biết, cô biết, đừng cho bà già ấy biết”, tức là giấu bà lại được khen.

Đó là chỗ phạm tình không biết nổi, vì thiền là cái biết ngay hiện tại, không lui về quá khứ hay hướng tới tương lai. Ngay bây giờ “tôi biết, cô biết” là biết ngay hiện tại, “đừng cho bà già biết” vì bà là người vị lai sẽ biết sau. Giữ cái biết ngay hiện tại là đúng nên bà khen.

Ngày trước tâm thầy như cây khô tro lạnh, bà già biết thầy bị kẹt trong chỗ chìm lặng, không tỉnh sáng. Còn bây giờ thầy biết ngay hiện tại, không có quá khứ vị lai xen vào, đó là đúng. Bà già này hay quá, thật là hiếm có! Bà thấy tường tận gốc tu, chứ không cạn cợt như chúng ta.

Cho nên chúng ta đừng tìm cảnh tịnh, mà phải ở trong tịnh để phát minh đại sự. Đại sự là cái biết hiện tiền sẵn trong y áo mà mình không biết, không

chịu sống với nó, lại đuổi theo cái biết quá khứ vị lai. Ngồi nghe giảng chỉ biết đang nghe giảng, đó là cái biết hiện tiền. Còn ngồi đây mà nhớ chuyện ở nhà, tính toán chuyện làm ăn..., đó là biết quá khứ vị lai, không nhớ hiện tại đang nghe giảng. Thiền là sống ngay phút giây hiện tại, đừng tìm kiếm ở đâu. Chăm chỉ nghe giảng, không suy nghĩ gì, đó là cái biết ngay hiện tại, còn suy nghĩ từng chữ từng câu là cái biết thiếu hiện tại rồi.

Ai cũng có sẵn cái biết hiện tiền, nên nói nó ở trong y áo của mình, đừng kiếm ở đâu xa. Cái biết hiện tiền không suy nghĩ là tịnh trong tỉnh giác, là cái biết thật của mình, còn biết theo suy nghĩ là duyên theo cảnh quá khứ vị lai, là chạy theo bóng chứ không biết ngay cái chân thật.

Người biết tu làm cái gì chỉ biết cái đó, làm mà vẫn tu, tỉnh sáng ngay trong hiện tại, trong cảnh đang sống, không đợi giờ ngồi thiền mới tu. Ngồi thiền mà vọng tưởng nhiều, nhớ chuyện trước chuyện sau, quên ngay hiện tại là sai. Chỉ nhớ đang ngồi thiền, bỏ qua mọi suy nghĩ hay dờ, là đúng.

Hạ thủ công phu tu thiền, thiết yếu tại định tuệ. Cần biết, định với tuệ như đồng một vật bên trong và bên ngoài, là hai mà không phải hai, chia rời không được. Khi định sanh thì hôn trầm cũng theo đó mà sanh, nếu hôn trầm sanh thì định mất. Khi tuệ sanh thì tán loạn cũng theo đó mà sanh, nếu tán loạn sanh thì tuệ mất. Ta có diệu pháp điều trị, cần phải định lóng sáng thì định với tuệ mới thành công; cần phải tuệ an tường thì tuệ với định mới thành công. Hai cái này lìa nó không được, hợp cũng không được, lẫn nhau thành một mới thật là diệu pháp. Khéo biết pháp này thì thành đạo không khó.

Khi chăm chú nghe giảng không một niệm suy nghĩ là định, nghe giảng mà tỉnh sáng, biết rõ từng lời từng câu là tuệ, như vậy định không rời tuệ, tuệ không rời định. Có người ngồi thiền muốn làm sao chim kêu không nghe, gió thổi không biết, quên hết tất cả, tưởng đó là định hay. Nhưng với tinh thần thiền này không cho như vậy, tiếng gì chung quanh chúng ta đều nghe. Tỉnh mới nghe, nghe mà không chạy theo, đó là định tuệ đồng thời. Không đầy đủ định tuệ thì không đúng với tinh thần Thiền tông.

Người tu thiền phải khéo nhận định chín chắn chỗ này, đừng sợ nghe tiếng động ở ngoài, chỉ sợ chúng ta chạy theo những tiếng đó. Nghe không có lỗi làm, chạy theo tiếng mới lỗi làm.

Ngày xưa, ở Trung Hoa hay Nhật Bản, khi toàn chúng ngồi thiền, sau tiếng keng xả thiền năm mươi phút, có vị nào còn ngồi mà không biết gì hết, thì vị giám thiền đến nắm cổ đánh hai ba bạt tai, vì sợ chìm trong si định không có tuệ, nên đánh cho giật mình thức tỉnh. Chúng ta ngồi thiền đều biết đều nghe, nhưng không chạy theo không dính mắc.

Người cầu minh tâm kiến tánh, thành Phật thành tổ, chỉ ở trên định tuệ dụng công. Biết được cái diệu của định tuệ thì dễ như trở bàn tay, bằng không biết cái diệu của định tuệ thì khó như lên trời. Khó hay dễ đều tại chính mình đảm đang lấy.

Khi biết rõ đường lối tu hành này thì dễ như trở bàn tay, có cảnh biết cảnh mà không chạy theo là được rồi, đó là cái diệu của định tuệ, cần phải sống đúng như vậy thì thành Phật thành tổ không khó. Nếu chỉ say mê trong tuệ bằng suy ngẫm, ngồi thiền nhớ câu kinh này, bài kệ kia, ngẫm tới ngẫm lui rồi thích thú, như vậy cũng là sai lầm. Hoặc ngồi thiền được yên, rồi say trong định, ai làm gì cũng không hay không biết, cũng là sai. Thế nên phải cẩn thận, đúng nhất là định tuệ không rời nhau, trong tuệ có định, trong định có tuệ, không thể tách biệt được.

Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định. Ví như ngọn đèn với ánh sáng, ngọn đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của ngọn đèn. Hai cái đều lẫn nhau hiển bày, không nên thiên trọng một cái.

Định tuệ ví như ngọn đèn với ánh sáng, tuy hai mà một, rời ngọn đèn không có ánh sáng, rời ánh sáng không có ngọn đèn, hai cái không thể tách rời, không thể ly khai được.

Chính khi tuệ thì định ở trong tuệ, chính khi định thì tuệ ở trong định. Tên tuy có hai, thể vốn không khác. Chỉ có định mà không tuệ liền theo đó bị hôn trầm, chỉ có tuệ mà không định liền theo đó bị tán loạn. Cần phải gồm hai, không thể chia rời.

Chúng ta tu nghiêng về định nhiều thì đi tới hôn trầm, nghiêng về tuệ, suy nghĩ phán đoán nhiều thì bị tán loạn, cho nên phải quân bình giữa định và tuệ.

Biết tất cả mà không tán loạn, yên tĩnh mà không hôn trầm, đó là điều đặc biệt của người tu thiền. Giữ quân bình không phải dễ. Ngồi thiền nếu không tán loạn thì qua hôn trầm, không hôn trầm lại tán loạn, cứ đổi phiên nhau hoài. Làm sao giữ quân bình được định và tuệ, vậy mới đúng.

Ở đoạn trên, tôi nói phương pháp điều trị định tuệ đã xong, vẫn còn ngại có người chưa rõ. Giờ đây, tôi giải lại cho rõ. Tôi gọi hôn trầm tức người đời gọi là vô ký. Tôi gọi tán loạn tức người đời gọi là vọng tưởng. Cần biết định thì phần nhiều hay sanh vô ký, tuệ thì phần nhiều hay sanh vọng tưởng. Định tuy hay trị vọng tưởng mà trở lại sanh vô ký. Tuệ tuy hay trị vô ký mà trở lại sanh vọng tưởng. Ngày nay thực tập công phu, chỉ cần định có tuệ, cốt đừng nhập cái định hôn trầm vô ký; chỉ cần tuệ có định, cốt đừng nhập cái tuệ tán loạn vọng tưởng. Là hai mà chẳng hai, định tuệ dung hòa, thì công phu mới tăng trưởng.

Đoạn trên nói hôn trầm và tán loạn, đây đôi là vô ký và vọng tưởng, hai tên tuy khác, sự thật cũng đồng một thể.

Đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai truyền diệu pháp Chỉ Quán. Nghĩa là chỉ mà quán đó, tịnh mà minh đó, khiến động mà được tịnh, tịnh mà được sáng. Sáng thì chiếu, chiếu thì một vậy. Đây thật là chỉ đường giác cho quần sanh. Cốt nên biết, tôi nói pháp Định Tuệ là Đại sư nói pháp Chỉ Quán, đâu cần cầu Phật pháp khác.

Ngài Thiên Thai nói Chỉ Quán, sự thật chỉ là định, quán là tuệ, chỉ quán không rời nhau, tức là định tuệ không rời nhau, hai pháp tuy hai mà một. Chúng ta hiểu kỹ, thấy rõ thì sự tu không lầm lẫn.

Người khi rời bỏ cuộc đời, nếu có công phu định tuệ, ắt được lên thế giới Cực lạc. Diệu pháp này lúc bình nhật cần phải tập cho thuần thục. Bậc minh triết nói: “Người đời trọn ngày hôn tán, khi sắp chết làm sao được định tuệ. Người học đạo trọn ngày định tuệ, khi sắp chết đâu thể hôn tán.” Nếu đợi khát nước mới đào giếng thì đâu cứu được!

Đây là lời khuyên rất thiết tha. Người tu Tịnh độ, nếu niệm Phật được nhất tâm, tức được định tuệ, thì chết cũng về Cực lạc. Cho nên tu pháp nào của Phật cũng lấy định tuệ làm trên.

Người đời trọn ngày hôn trầm tán loạn, mở mắt ra thì suy tính, nhắm mắt lại thì ngủ khò. Ngủ là hôn, tính là tán, hai cái đắp đổi nhau suốt cả cuộc đời thì khi sắp chết làm sao được định tuệ, không định tuệ không thể nào tự cứu được mình. Người học đạo trọn ngày định tuệ, khi sắp chết đâu thể hôn tán, lúc đó mới tự cứu mình được. Nếu nay không chịu tu, chờ sắp tắt thở mới đòi tu, chẳng khác nào khát nước mới đào giếng, làm sao cứu kịp.

Hạ thủ công phu tu thiền rất khẩn yếu ở một chữ Thiết. Chữ Thiết rất có sức mạnh. Nếu chẳng Thiết thì lười biếng sanh. Lười biếng sanh thì buông lung phóng ý không chỗ nào chẳng đến. Nếu thật dụng tâm chân thiết thì buông lung lười biếng do đâu được sanh. Nên biết, một chữ Thiết nếu hay dán dính trên thân thì khỏi lo tâm sanh tử chẳng phá, khỏi lo chẳng đến địa vị Phật tổ. Bỏ chữ Thiết này riêng cầu Phật pháp, đều là si cuồng ngoại đạo.

Thiết là thiết tha. Những giờ phút dụng công tu rất quan trọng, như ngồi thiền phải tha thiết, chí thành chí khẩn để tu, không phải ngồi cho khỏe mà nghĩ chuyện năm trên năm dưới, chuyện gần chuyện xa, phải tha thiết tu mới tiến được, mới thành công, không tha thiết không làm sao tiến nổi.

Một chữ Thiết là lời rất thân thiết, như dụng tâm thân thiết thì không kẻ hở, do đó các thứ tà ma không thể xâm nhập. Như dụng tâm thân thiết

tự nhiên không sanh suy tính, có niệm không gián cách thì chẳng rơi vào ngoại đạo.

Dụng tâm thân thiết thì không có kẽ hở, không có cái gì xen vào được. Nếu không thân thiết thì dễ bị tạp nhiễm làm cho sự tu không đi tới kết quả.

Một chữ Thiết đầu nhưng lìa lõi, liền đó vượt khỏi ba tánh thiện, ác, vô ký. Một câu thoại đầu dụng tâm thậm thiết thì không nghĩ thiện, dụng tâm thậm thiết thì không nghĩ ác, dụng tâm thậm thiết thì không rơi vào vô ký. Thoại đầu thiết thì không trạo cử, thoại đầu thiết thì không hôn trầm. Chỉ cốt chánh giác hiện tiền thì các ma tự lui, chánh giác phi thiết chẳng sanh.

Ngài Thiên Cơ chuyên tu thoại đầu, chúng ta mượn ý ngài dạy để sử dụng cho lối tu hiện tại của mình. Chúng ta nhìn niệm rất là chân thiết, niệm khởi liền biết, biết niệm không theo, không tâm nghĩ thiện nghĩ ác, cũng không vô ký, giống như những người tu thoại đầu không khác.

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng sợ chết không được sống, chỉ sợ sống không được chết. Nếu thật nghi tình kết tụ ở một chỗ, cảnh động chẳng đợi đuổi mà tự đi, vọng tâm chẳng đợi tịnh mà tự tịnh, sáu căn ở ngoài cửa tự nhiên rỗng suốt hết, ra dấu liền đến, gọi lên liền đáp, lo gì chẳng sống?

Chúng ta nghĩ rằng ngồi tu mà tỉnh sáng rõ biết, nhưng không suy nghĩ coi như mình khờ. Thí dụ ai nói câu gì mình nghe mình biết nhưng không nghĩ suy thì bị đánh giá là ngu, vì không lanh lẹ nhạy bén. Sự thật không phải vậy. Những điều thế gian cần biết như hơn thua phải quấy, chúng ta lại không cần thì giản trạch làm gì cho mất thời giờ vô ích.

Hạ thủ công phu tu thiền cốt phải ngay thẳng cao vót, chẳng gằn nhân tình. Nếu đáp ứng theo tình cảm thì thực hành công phu chẳng tiến. Không những chẳng tiến mà lâu ngày chầy tháng sẽ trôi theo thế tục, rất là đáng tiếc! Ví như chính mình bận việc thì đâu thể có công coi sóc việc người. Ngay thẳng cao vót chính là Chánh đẳng Chánh giác.

Việc của chúng ta là thấy niệm thì buông, đừng chạy theo. Hơn thua phải quấy là chuyện của người đời, bớt chuyện đời thì tâm đạo dễ sáng, đa mang chuyện đời thì tâm đạo tối mờ. Nghe chuyện hay chuyện dở mà hờ hững không bàn thì bị trách là khờ. Còn đáp ứng với nhân tình phải luận bàn cho sâu sắc thì trở thành phạm tục.

Các thiền sư khi xưa bình thường như ngậy như bơ, không lanh lẹ, tưởng các ngài khờ lắm. Nhưng khi cần biết điều gì các ngài biết tới nơi tới chốn. Chúng ta bây giờ thấy lanh lẹ quá, vì chạy theo cái vật vạnh bên ngoài, nhưng

khi cần biết điều gì sâu sắc thì không biết được. Vì vậy, chúng ta phải can đảm bớt chạy theo tình cảm, giữ tâm ngay thẳng cao vót. Chính tâm này là tâm Phật.

Hạ thủ công phu tu thiền điều cần nhất là Chánh giác. Chánh giác là phút giây nào cũng chiếu soi lại cái linh minh của chính mình, không thể buông nó chạy đi. Nếu cái linh minh đi rồi, thì thân này chỉ là cái thây chết có hơi thở. Lại là hôn trầm không niệm, rơi vào ngoan không khô lặng. Tuy là vận dụng công phu khổ nhọc mà không có mảy may lợi ích.

Trọng tâm tu thiền là tỉnh giác. Giác không phải là bừng sáng có thần thông, mà là cái chân thật của chính mình rõ ràng thường biết, gọi là liễu liễu thường tri. Xe chạy biết tiếng xe, người nói biết tiếng người, tiếng chuông trống biết tiếng chuông trống, cái nào ra cái nấy, biết rõ ràng mà không chạy theo. Đó là rõ ràng thường biết.

Nếu nói giác là chứng được Tam minh Lục thông thì giác đó xa lắm, chừng nào định bốn mươi chín ngày đêm như Phật thì mới được. Còn giác là cái hiện tiền sẵn có, không đợi ở đâu đến. Nếu yên một cách mê muội là rơi vào ngoan không.

Hạ thủ công phu tu thiền tu tập được tiến lên, như người gánh nặng ngàn cân, buông cũng chẳng rớt, giống như người tìm một vật quan trọng bị rơi mất, nếu tìm không được thì chẳng thôi nghỉ. Trong đó chỉ không nên sanh chấp trước tính toán. Nếu chấp thì thành bệnh, trước thì thành ma,

tính toán thì thành ngoại đạo. Thật được nhất tâm nhất ý, giống hệt người tìm vật đã mất thì ba thứ này vỡ tan không còn dính dáng. Nên nói, sanh tâm động niệm đều trái với pháp thể.

Pháp thể sẵn có nơi mình, bởi sanh tâm động niệm chấp trước tính toán nên mất pháp thể. Nếu không động niệm thì tâm thể hiện tiền.

Hạ thủ công phu tu thiền khi đề khởi thoại đầu cốt phải rõ ràng sáng sủa, giống in như con mèo rình chụp chuột. Người xưa nói: “Chẳng chém được đũa mọi thề không thôi.” Nếu chẳng vậy, là ngồi trong nhà quý, mờ mờ mịt mịt, qua rồi một đời, có chỗ nào lợi ích?

Đường lối tu của chúng ta là niệm nào dấy lên đều thấy rõ, đều biết mà không theo. Thấy rõ ràng từng phần, không rời không quên, giống như mèo rình chuột.

Mèo rình chuột mở tròn đôi mắt, bốn chân chực sẵn, chỉ cốt chụp chuột đến miệng mới được, dù có gà chó ở bên cạnh đều không để mắt ngó. Người tham thiền cũng như thế, chỉ là chăm chú cốt suốt lý này, dù

có tám cảnh xen lẫn ở trước cũng không để mắt nhìn, vừa có niệm khác, chẳng những không bắt được chuột, mà mèo cũng chạy mất.

Chúng ta tu là phải chăm chỉ nhìn từng niệm khởi, thấy từng niệm dấy lên, không đợi nó dẫn mình đi, như mèo rình chuột, thấy là chụp liền không để qua mất. Như vậy hạ thủ công phu mới có kết quả.

Hạ thủ công phu tu thiền không nên ở trên công án của tiền nhân mà suy nghĩ, thêm sự giải thích. Dù mỗi mỗi hiểu qua cùng với chính mình cũng không dính dáng gì. Cần yếu biết mỗi câu mỗi lời của tiền nhân như đồng lửa lớn, gần nó không được, xúc chạm cũng không được, huống là ngồi nằm trong ấy, lại ở trong đó phân lớn phân nhỏ, nói trên nói dưới, thì có chỗ nào lợi ích?

Khi ngồi thiền, thấy niệm khởi liền buông, đừng nhớ lời Phật tổ nói rồi suy ngẫm thấy hay hiểu sâu, tưởng ngồi thiền phát sáng rồi khoe, đó cũng là bệnh. Vì quen suy ngẫm nên không bao giờ sống được với cái chân thật của chính mình.

Tu là sống trở về cái chân thật. Cái thấy cái nghe ai mà không sẵn có, chỉ khổ là vừa thấy liền phân biệt đẹp xấu, vừa nghe liền phân biệt phải quấy v.v... nên quên mất cái thật. Thấy nghe tất cả mà không khởi niệm phân biệt thì cái thấy cái nghe hiện tiền, đâu cần kiếm đâu xa. Rất tiếc là chúng ta có mà lo chạy theo bên ngoài nên quên nó.

Vì quên cái thấy của mình chỉ nhớ vật bên ngoài, quên cái nghe của mình chỉ nhớ tiếng bên ngoài, nên Phật quở “Quên mình theo vật”. Biết mình đang thấy đang nghe, còn vật bị thấy, tiếng bị nghe là ngoại trần, không quan hệ, biết như vậy là hằng sống với mình.

Việc ấy không cùng giáo lý hợp, do đó những vị tu tập Đại thừa đã lâu, vẫn không hiểu không biết, huống là các hàng Tiểu thừa Thanh văn Duyên giác? Bậc Tam hiền Thập thánh đâu không thông giáo lý, mà nghe nói một việc này, Tam thừa còn tan mật,

Thập thánh phải kinh hồn. Bậc Bồ-tát Đẳng giác thuyết pháp như mây như mưa, độ chúng sanh không thể nghĩ bàn vào vô sanh pháp nhẫn, vẫn gọi là sở tri ngu, cùng đạo còn trái, huống là những bậc khác? Bởi vì việc này từ chỗ phạm phu chóng đồng Phật thể, người thật khó tin. Người tin được là hàng pháp khí, người không tin chẳng phải pháp khí. Những người tu hành muốn vào Tông thừa này ắt từ tin mà vào.

Tin mình có cái đang thấy nghe người ném xúc chạm. Ai tin được cái hiện tiền này thì Tam hiền Thập thánh còn ngán chứ không phải thường. Tin được điều này là người xuất cách, là hàng pháp khí trong Đại thừa.

Một chữ Tin có cạn có sâu, có tà có chánh, không thể không biện biệt. Phàm vào pháp môn có ai mà nói chẳng tin. Nhưng, chỉ tin pháp môn mà không tin tâm mình là tin cạn. Các hạng Bồ-tát Đại thừa còn chẳng đủ lòng tin, như Hoa Nghiêm Sớ nói: “Thấy có người hay nói pháp, có chúng nghe pháp, còn chưa vào cửa tin.” Như nói tức tâm tức Phật thì ai bảo là chẳng tin. Song, nếu có người hỏi: “Ông là Phật chẳng?” liền bị phá dẹp không thể thừa đương. Kinh Pháp Hoa nói: “Tột nghĩ chung suy xét, không thể lường trí Phật.” Sở dĩ có tâm tột nghĩ xét, là do lòng tin chẳng đủ vậy. Có đủ lòng tin này là tin sâu.

Tin giáo pháp của Phật dạy là chân lý, là tin cạn. Tin ngay tâm không nghĩ suy phân biệt mà hằng tri hằng giác là tâm chân thật bất sanh bất diệt, khẳng định như vậy là tin sâu.

Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, rõ ràng thường biết mà không tin, vậy tin cái gì? Tin chuyện trên trời trên mây, còn chuyện thực tế hiện tiền nơi mình thì không dám tin. Vì chúng ta lúc nào cũng quên mình, như mắt thấy hoa chỉ biết hoa quên cái hay thấy, tai nghe tiếng chỉ biết tiếng quên cái hay nghe. Quên cái hiện tiền đang sử dụng, chỉ nhớ cái bên ngoài, nên bị Phật quả là quên mình. Những điều này rất thiết yếu mà không dám tin, là chuyện rất kỳ lạ, rất vô lý!

Tin tâm mình tức là Phật, gọi là tin chánh. Ngoài tâm chấp pháp, gọi là tin tà. Tin tức tâm là Phật, cốt phải thấu rõ tâm mình, bước đi trên đất thật ấy đến chỗ chẳng nghi, mới gọi là tin chánh. Mù mờ ngờ vực bướng nói tâm tức là Phật mà thật không biết tự tâm, tức là tin tà.

Tin tâm mình là Phật là tin chánh, tin Phật ngoài tâm là tin tà. Vì Phật là giác, giác là chính cái mình sẵn có, đó là tâm Phật. Bắt chước người nói tức tâm là Phật mà không biết tâm nào, tâm đó ra sao, dường như tin mà thật ra cũng là tin tà.

Người xưa hái rau gánh củi vẫn định, cuộc đất cày ruộng vẫn định, khi làm công kia việc nọ vẫn định, đâu phải ngồi lâu tìm vững khiến tâm chẳng khởi, nhiên hậu mới là định. Nếu như thế, gọi là định tà, không phải chánh ý của Phật pháp.

Phật dạy trong mọi hành động đi đứng nằm ngồi đều thấy rõ cái thật của mình. Không nghĩ suy, không tính toán, không chạy theo cảnh mà hiện tiền thường biết, đó là tin chánh. Nếu không thấy được cái đó thì nói gì cũng là tà thôi.

Lục Tổ bảo: “Na-già thường tại định, không lúc nào chẳng định.”

Đức Phật đi đứng nằm ngồi thường tại định. Trong bốn oai nghi đều tỉnh sáng, mà không dấy niệm nghĩ suy tính toán là ở trong đại định. Đừng nghĩ đại định là khi ngồi thiền mà tất cả việc gì đến đều không hay biết, cho tới sét đánh cũng không hay.

Lục Tổ khi còn tại tiền không thích ngồi nhiều. Có một thiền sinh ngồi thiền bên hông chùa, ngài đi ngang qua thổi vào tai vị ấy. Vì ngài dạy đi đứng nằm ngồi đều phải định, không phải chỉ ngồi mới định. Nhưng bây giờ tôi khuyên quý vị ngồi vì ra ngoài thấy nghe thì dính mắc, ngồi yên lặng cho đỡ dính. Khi nào tu hay, bốn oai nghi đều định thì khỏi ngồi, nếu còn dở mà làm theo Tổ thì chưa nổi.

Phải thấy tột bản thể mới tương ưng với định này. Đức Thích-ca từ Đâu-suất hạ sanh, giáng thần trong hoàng cung, vào núi Tuyết, thấy sao mai mọc, mở đường dạy chúng, chưa từng ra khỏi định này.

Đức Phật làm tất cả Phật sự mà không ra khỏi đại định, gọi là Na-già thường tại định.

Nếu chẳng vậy, đã bị cảnh động lôi cuốn, đâu gọi là định. Trong cảnh động tìm chỗ khởi không có, trong cảnh tịnh tìm chỗ khởi cũng chẳng có. Cảnh động đã không chỗ khởi thì lấy cái gì làm cảnh? Hội được ý này thấy đều là một thể định, đầy đầy tràn tràn, không dư không che đậy.

Hiểu được ý đó thì đi đứng nằm ngồi, chỗ nào cũng đang an định. Thật là nhàn. Ngó hoa ngó kiếng mà không nghĩ gì, giữa đám người nói chuyện lảng xãng mà không dính kẹt câu nào thì cũng đang định. Tất cả cảnh bên ngoài xôn xao náo nhiệt mà chúng ta vẫn an nhiên với tâm thanh tịnh, đó là đại định. Còn ngồi thiền được hơi yên, nhưng khi xả thiền, ai chọc tức mình một câu thì nổi giận liền là còn dính mắc, làm sao mà định. Tổ dạy rất triệt để, thấu suốt được chỗ chân thật này thì mọi oai nghi đều ở trong định.

Hạ thủ công phu tu thiền không nên dính mắc thế pháp. Trong Phật pháp còn không dính một điểm, huống là thế pháp. Nếu thoạt đầu hiện tiền chân chánh thì giẫm xuống nước chẳng thấy lạnh, chạm vào lửa chẳng biết nóng, trong rừng gai chông nằm ngang đi thẳng chẳng thấy chướng ngại. Được vậy, mới có thể ở trong thế pháp đi ngang chạy dọc. Bằng không, hoàn toàn bị cảnh duyên lôi cuốn, dù muốn được công phu thành một khối, trải nhiều năm cũng không thể được.

Người hạ thủ công phu tu thiền đừng dính mắc pháp bên ngoài, đi nơi nào cũng tự tại, sáng suốt. Nếu bị cảnh duyên lôi cuốn thì công phu không thành.

Hạ thủ công phu tu thiền không nên tầm văn trực cú ghi lời nhớ câu, không những vô ích mà còn làm chướng ngại công phu. Nắm công phu chân thật mà trở thành duyên lự.

Hạ thủ công phu tu cần buông hết để tâm thanh tịnh vắng lặng, nếu ghi lời nhớ câu là chướng ngại công phu.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ so sánh, đem tâm tính toán, cùng đạo trái xa, dù thực hành đến Phật Di-lặc ra đời vẫn không dính dáng. Nếu là người nguyện phát nghi tình, dù sự vật đầy bít hư không vẫn không biết có danh tự hư không, như ngồi trong núi bạc vách sắt, chỉ cầu được con đường sống. Nếu không được con đường sống, thì làm sao được an ổn. Chỉ thực hành công phu như thế, thời tiết đến tự nhiên có thành.

Chúng ta tu biết vọng là khi niệm khởi liền thấy, biết là vọng không theo, không để nó dẫn mình đi xa, nhìn nó nó tan, đó là tỉnh sáng.

Gần đây, có một số tà sư dạy người, không do cố gắng dụng công. Lại nói: “Cổ nhân chưa từng dụng công phu.” Lời nói này rất độc, làm mê lầm kẻ hậu học, sẽ vào địa ngục vậy.

Thiền sư Đại Nghĩa làm bài minh tọa thiền nói:

Chớ tin rằng đạo chẳng cần tham,

Thánh trước chăm chăm làm chỉ nam.

Dù rằng gác cũ nhàn điền địa,

Một phen gầy dựng thật gian nan.

Nếu nói tu không cần dụng công, cứ để tự nhiên tự tại, nghe như hay nhưng làm sao tự nhiên tự tại được! Buổi đầu chúng ta không chăm chỉ nhìn thấy để ngừa đón thì làm sao không dấy động. Niệm vừa dấy liền thấy là có chăm. Công phu của mình là tinh thần sáng suốt nhìn thấy từng niệm khởi, chứ chẳng phải không công phu.

Thiền sư Đại Nghĩa nói:

Chớ tin rằng đạo chẳng cần tham, chớ tin tu đạo không cần tham thiền.

Thánh trước chăm chăm làm chỉ nam, các bậc thánh trước chăm chăm tu hành, như kim chỉ nam chỉ mình đi đúng hướng.

Dù rằng gác cũ nhàn điền địa, dù mình có một gian nhà, một gác cũ sẵn rồi.

Một phen gầy dựng thật gian nan, muốn gầy dựng, trèo lên cũng rất gian nan, phải công phu khó nhọc lắm mới được.

Nếu chẳng cần tham cứu mà bảo được lý, đây là Di-lặc trời sanh, Thích-ca tự nhiên. Bọn này thật là đáng thương xót vậy. Bởi vì tự họ chẳng hiểu tham cứu, hoặc thấy người xưa một hỏi một đáp liền lãnh ngộ, bèn đem cái hiểu biết của tình thức để giải thích, là dối gạt người. Hoặc bị cơn bệnh ngặt, liền kêu la om sòm, những cái hiểu lúc đương thời đem dùng không được. Hoặc đến lúc sắp chết, như con cua bỏ vào chảo nước sôi, tay chân rối loạn, bấy giờ hối hận chẳng kịp.

Người tu tự nhiên được lý, không cần tham cứu tham thiền, vậy chắc Phật Di-lặc là trời sanh, Phật Thích-ca là tự nhiên. Sự thật đâu phải vậy. Đức Phật Thích-ca công phu rất cẩn mật, tầm sư học đạo, tu khổ hạnh, ngồi tọa thiền dưới cội bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm, trải qua bao nhiêu năm đâu phải là chuyện bỗng nhiên. Chúng ta lại nói không cần tham cứu, đó là sai lầm lớn. Nếu chỉ học lõm bõm một hai câu của thiền sư rồi bắt chước nói theo, cho rằng mình đã hiểu, đã biết, đến ngày nhắm mắt làm chủ không được, giống như con cua bỏ vào chảo nước sôi run rẩy giãy chết. Chúng ta không khéo tu thì cũng như thế.

Thiền sư Hoàng Bá nói:

Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường, Đầu dây nắm chặt giữ lập trường. Chẳng phải một phen xương lạnh buốt, Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.

Người tu muốn vượt khỏi cõi trần khổ nhọc này là việc chẳng phải thường. Phải nắm chặt phương pháp tu cho vững để khỏi thay đổi lập trường. Nếu không qua một mùa đông lạnh thấu xương thì làm gì thấy hoa mai nở, ngửi được hương thơm! Cũng vậy, phải công phu khổ sở tột cùng mới đạt đạo, chứ không phải việc bỗng dưng.

Lời này thật rất thân thiết. Nếu đem bài kệ này luôn luôn cảnh sách công phu thì tự nhiên thực hành được tiến bộ. Như người đi con đường trăm dặm, đi một bước là gần một bước, không đi thì đứng nguyên chỗ cũ. Dù người ấy nói được sự nghiệp ở quê hương rõ ràng rành rẽ, trọn không đến nhà, làm sao được việc lớn ấy.

Dù nói được việc quê hương rành rẽ mà không đi thì có về tới quê hương không? Biết quê hương của mình ở đâu, chỗ đó có gì đặc biệt là do nghe người xưa kể lại mình kể theo, nhưng chưa về tới thì cũng chưa nếm được cái đẹp, cái hay của quê hương mình. Phải là người đi tới nơi mới được.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ suy nghĩ làm thơ, làm kệ, làm văn phú v.v... Nếu làm thành thi kệ thì gọi thi nhân, làm văn phú giỏi thì gọi văn nhân, cùng với tham thiền toàn không dính líu.

Có nhiều vị tu được chút ít thấy mình hay rồi phấn khởi làm kệ làm thơ. Làm riết thành thi nhân chứ không phải thiền nhân, ngồi thiền để làm thơ chứ không phải để tu.

Hạ thủ công phu tu thiền, gặp phải cảnh duyên thuận nghịch, chớ làm người động niệm, liền phải biết để phá. Chỉ đề khởi thoại đầu không cho cảnh duyên xoay chuyển. Có người mới vừa được thành, liền nói: “Chẳng cần chống” Ba chữ này làm làm người, học giả không thể không xét.

Khi hạ thủ công phu cảnh thuận cảnh nghịch hiện lên phải biết để phá. Thí dụ ngồi thiền nhớ lại những câu trái tai, rồi suy nghĩ tìm cách đáp lại, tức bị cảnh thuận nghịch chi phối. Chúng ta tu có khi được tán thán, có khi bị chê bai, nhưng dù cảnh thuận hay nghịch đều không bận tâm.

Hạ thủ công phu tu thiền, nghi tình chưa phá như đến hổ sâu, như đi trên băng, mảy may mất niệm là tan thân mất mạng. Vì nghi tình chưa phá thì đại lý không sáng, một hơi thở không trở lại thì đời này còn bị thân trung ám lôi kéo, chưa khởi theo nghiệp thức mà đi, thay đầu đổi mặt chẳng hiểu chẳng biết. Bởi thế, nên trên nghi lại thêm nghi, đề khởi thoại đầu, chưa sáng quyết định phải sáng, chưa phá quyết định phải phá. Ví như bắt kẻ trộm, cần phải thấy nó.

Dùng phương pháp tu thiền biết vọng thì tất cả niệm dấy lên dù tốt hay xấu, chúng ta nhất định phải buông, không để niệm lôi đi, như vậy là thành công.

Hạ thủ công phu tu thiền cần phải khẩn, cần phải chánh, cần phải miên mật, cần phải dung hoá. Thế nào là khẩn? Mạng người tại hơi thở, đại sự chưa sáng, một hơi thở không trở lại, đường trước mờ mờ chưa biết về đâu, thì không thể chẳng khẩn. Cổ đức nói: “Như dây gai thấm nước, một bước gấp một bước.”

Tu thiền cần phải khẩn vì cái chết chực sẵn một bên. Nếu nó đến mà công phu chưa ra gì thì làm sao cứu được? Vì nhớ vô thường, mạng sống trong hơi thở, mà chúng ta phải khẩn thiết tu hành. Như sợi dây gai thấm nước thì nặng, chúng ta phải lôi kéo gấp đừng chậm trễ lồi không nổi.

Thế nào là chánh? Người học phải đủ con mắt lựa pháp, một ngàn bảy trăm tổ sư đều là mô phạm, nếu sai một hào ly thì vào đường tà. Kinh nói: “Chỉ đây một việc thật, còn hai thì chẳng chân.”

Kinh Pháp Hoa nói: *Chỉ đây một việc thật, còn hai thì chẳng chân.* Đối với pháp tu, chúng ta phải hiểu thấu đáo, thấy đúng lý, hiểu biết chân chánh rồi thì mới biết muôn pháp Phật nói không có hai.

Thế nào là miên mật? Lòng mảy cùng hư không kết chặt, mũi kim găm chẳng lỏng, nước rưới chẳng ướt, chẳng cho một tí kẽ hở. Nếu có một tí kẽ hở thì ma cảnh theo kẽ hở chui vào. Cổ đức nói: “Một phút chẳng hiện có, giống như người chết.”

Chúng ta tu phải miên mật, ngồi thiền phải luôn tỉnh sáng, nhìn từng niệm không lơ lửng. Mỗi niệm dấy lên đều thấy, đều buông, đó mới đúng.

Thế nào là dung hoát? Thế giới rộng một trượng thì gương xưa (cổ kính) rộng một trượng, gương xưa rộng một trượng thì lò lửa rộng một trượng, quyết định không có chấp ở một chỗ. Nắm chặt đầu rắn chết, cũng không kẹt ở hai đầu, mệnh mông lênh láng. Cổ đức nói: “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư.” Thật đến chỗ dung hoát thì trong không thấy có thân tâm, ngoài không thấy có thế giới, mới được lối vào.

Khi tu chúng ta thường nghĩ tâm ở trong thân này, không ai dám nói tâm mình trùm cả thái hư. Nếu tâm suy nghĩ duyên với cảnh mình chú ý, cảnh to tâm duyên theo to, cảnh nhỏ tâm duyên theo nhỏ. Thí dụ khi ngồi thiền nhớ mũi kim thì tâm duyên theo mũi kim, nhớ ngọn núi thì tâm duyên theo ngọn núi, to hay nhỏ tùy tâm duyên cảnh. Khi tâm không duyên cảnh, không nghĩ ngợi, không bóng hình nào, mà hằng tri hằng giác thì tâm đó dung hoát, rộng lớn như hư không, thênh thang mệnh mông, trùm khắp thái hư.

Bốn thứ này chẳng phải có thứ lớp trước sau, cần phải đồng hành.

Khẩn mà không chánh thì uổng dụng công. Chánh mà không khẩn thì không thể vào. Đã vào cần phải miên mật mới được tương ưng. Đã tương ưng phải dung hoát mới làm hóa cảnh.

Bốn điều thiết yếu cần phải nhớ là chánh, khẩn, miên mật và dung hoát. Chánh là phải biết đúng, biết đúng rồi phải khẩn thiết tu, tu thì phải miên mật, miên mật rồi thấy tâm mình trùm khắp là dung hoát.

Hạ thủ công phu tu thiền không được có một mảy niệm khác. Đi đứng ngồi nằm luôn luôn đề khởi câu thoại đầu đã tham. Phát khởi nghi tình, hẳn phải giải quyết cái ấy cho xong xuôi. Nếu có một mảy niệm khác, người xưa gọi đó là tạp độc nhập tâm, đâu những hại thân mạng, mà nó hại cả tuệ mạng. Người học không thể không cẩn thận.

Từ tu thoại đầu suy ra những pháp môn khác. Tu thoại đầu thì đi đứng nằm ngồi luôn đề câu thoại đầu, không khởi niệm khác. Tu niệm Phật thì chỉ một câu niệm Phật. Tu phản quan biết vọng, nhìn thấy niệm khởi liền buông, không xao lãng. Muốn giải thoát phải ngay niệm khởi dẹp thật sạch mới không bị nghiệp dẫn lôi đi trong sanh tử.

Tôi nói niệm khác không phải chỉ pháp thế gian, trừ ngoài câu thoại đầu tâm đang tham cứu, tất cả việc tốt trong Phật pháp đều gọi là niệm khác. Lại, không những việc trong Phật pháp, mà ở trên tâm thể sanh thủ, xả, chấp, buông đều là niệm khác.

Khi chúng ta chuyên một pháp tu rồi thì không cho những niệm khác xen vào. Niệm khác không phải chỉ là niệm xấu quấy thế gian, mà khởi nghĩ những chuyện trong Phật pháp ngoài câu thoại đầu, câu niệm Phật hay cái biết vọng, đều gọi là niệm khác. Tâm thể sanh ra thủ, xả, chấp, buông cũng là niệm khác. Chỉ một niệm tu, không một niệm nào khác, đó mới đúng.

Khi chúng ta ngồi thiền tâm thanh tịnh đôi phần, tự nhớ những câu kinh bài kệ trước kia không hiểu, nay bỗng dưng hiểu ra thấy hay quá, ngồi suy luận riết đến hết giờ thiền. Như vậy cũng tốt mà cũng có hại. Tốt là hiểu đạo lý sâu rộng hơn, nhưng hại là mất thời giờ tu, tâm loạn động không còn thanh tịnh. Cho nên khi tọa thiền niệm vừa khởi dù hay, biết nó là động liền bỏ, đừng có tiếc. Phải khéo tu như vậy thì kết quả mới đầy đủ.

Hạ thủ công phu tu thiền đối với tất cả sự vật trên đời, nào là đáng yêu đáng ghét đáng mừng đáng buồn, các thứ tình cảm suy nghĩ thấy đều dẹp hết. Chỉ còn cái chánh giác của ta, chẳng đoái hoài những việc khác. Lại, cốt yếu làm một người vô dụng, mặc tình người đến bắt bẻ ta, ta chỉ làm kẻ vô tri vô lý; mặc tình người đến cười chê ta, ta cũng chỉ làm kẻ vô tri vô lý. Ta cốt soi xét cái chánh giác chính mình, không dám biếng trễ để qua thời giờ.

Khi tu muốn không xao lãng phải chuyên trong niệm chánh giác. Ai khen ai chê đều không quan tâm, chỉ giữ chánh niệm mới thực hiện được bản hoài của mình. Nếu khi tu mà nghe ai nói điều gì, chúng ta tìm cách lý luận rồi suy ngẫm để cho hơn, cho thắng, nên mọi thị phi đều mắc kẹt. Vì vậy những chuyện *đáng yêu, đáng ghét, đáng mừng, đáng buồn, các thứ tình cảm suy nghĩ thấy đều dẹp hết*, tất cả đều buông. Lý luận suy ngẫm cũng là hay, nhưng đối với thiền thì mất thời giờ vô ích. Lời dạy đây rất chí thiết, chúng ta cần phải nhớ.

Hạ thủ công phu tu thiền, khi thực hành đa số người nói: “Thực hành không tiến.” Chính chỗ thực hành không tiến này, lại gắng thực hành. Như người không biết đường phải cố gắng tìm đường. Không thể nói: “Tìm đường không được, nên bỏ việc tìm đường.” Nếu tìm đường đã được, quý ở chỗ phải đi, đi thẳng đến nhà mới thôi. Không nên ở trên đường dừng nghỉ không đi, thì trọn không có ngày đến nhà.

Nếu tu không tiến chúng ta thường hay nói: Chán quá, tu lâu mà không tiến chút nào! Chán tức là không muốn tu. Tu không tiến giống như người tìm

đường chưa ra, phải cố gắng tìm, không bỏ cuộc thì mục đích của mình mới thành công.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ cái tâm lạnh lợi, tâm lạnh lợi là thứ thuốc ky. Người phạm chút ít thuốc ky này, thì dù có chân được hiện tiền cũng không thể cứu được. Nếu thật là người tham thiền thì có mắt như mù, có tai như điếc, khi tâm niệm vừa khởi in như đụng vào núi bạc vách sắt. Người được vậy thì công phu mới được tương ưng.

Chúng ta tu phải dè dặt tâm lạnh lợi. Tâm lạnh lợi là tâm suy nghĩ tính toán hay khéo của mình. Ở ngoài tính không ra, vô ngòi thiền một chút, nghĩ ra hay quá, phải suy nghĩ cho đến nơi đến chốn. Vậy cái lạnh lợi đưa mình tới chỗ loạn tưởng mất thời giờ. Vì thế khi có tâm lạnh lợi phải buông, phải xả hết, vì nó là thứ thuốc ky, nếu phạm phải dù diệu được trị cũng không được. Nếu thật là người tham thiền thì mắt thấy như mù, tai nghe như điếc, nghe gì cũng mặc không lạm bàn, thấy gì trước mắt cũng không cần suy nghĩ. Được vậy công phu mới có phần tương ưng.

Hạ thủ công phu tu thiền chẳng sợ sai lầm, mà chỉ sợ không biết sai lầm. Mặc dù hành ở chỗ sai lầm, nếu có một niệm biết sai lầm, bèn là nền tảng thành Phật thành tổ, là con đường ra khỏi sanh tử, là món đồ sắc bén phá lưới ma. Phật Thích-ca trong pháp ngoại đạo mỗi mỗi đều chứng qua, chỉ không chịu ngồi trong hang ổ ấy. Dùng bốn chữ “biết sai liền bỏ” là từ phạm phu tiến đến quả vị Phật. Ý này đâu riêng trong pháp xuất thế, ở trong pháp thế gian nếu có chỗ sai lầm, chỉ cần dùng một câu “biết sai liền bỏ” là được thành người tốt đẹp ở thế gian.

Nếu kẻ cố ôm cứng chỗ sai lầm cho là phải, không chịu biết sai, dù có Phật sống hiện ở trước, cũng không thể nào cứu được người ấy.

Chúng ta khi mới tu không làm sao tránh khỏi những sai lầm, biết sai liền bỏ là chúng ta tiến.

Ngày xưa tôi tu trải qua bao nhiêu năm, gặp bao nhiêu trở ngại, đó là những sai lầm tôi phải buông, phải xả, mới vượt lên được. Như đức Phật Thích-ca khi đi tu, không biết đâu là đúng, đâu là sai nên gặp thầy nào đều học, kết quả tới chỗ cuối cùng, ngài thấy chưa đúng sở nguyện của mình, nên bỏ đi nơi khác. Đến học chỗ khác, kết quả cũng không đúng sở nguyện, nên lại bỏ đi. Ngài tu khổ hạnh đến thân thể kiệt quệ, biết là sai nên thực hành thiền dưới cội bồ-đề. Như vậy tôi thiếu Phật cũng ba lần sai, nhưng biết sai liền bỏ, tìm cách khác.

Ngày nay cũng thế, chúng ta tu để thành Phật, chứ không phải để trở thành quỷ thần. Nếu khi tu có vị quỷ thần lại nói câu thần chú này hay lắm, tụng thần chú này trị bệnh gì cũng hết, có thích không? Người không biết tụng câu thần chú cứu được đời, thôi đi ra cứu đời. Như vậy có đúng sở nguyện tu thành Phật

không? Đó là lạc vào đường quý thần. Cho nên người tu phải có một lập trường vững chắc.

Đức Phật do chứng kiến cảnh sanh già bệnh chết, ngài đặt câu hỏi: “Trước khi có mặt trên đời này, ta là gì, ta là ai? Sau khi chết, ta sẽ đi về đâu? Muốn dứt hết mầm sanh tử, ta phải làm sao?” Rồi ngài học với các vị tiên, nhưng ba câu hỏi tiêu chuẩn đó chưa giải đáp được, tu khổ hạnh cũng không giải đáp được. Cho nên ngài bỏ hết những sai lầm đó, đến ngôi thiên bốn mươi chín ngày đêm dưới cội bồ-đề chứng được Tam minh.

Từ canh một tới canh hai ngài chứng Túc mạng minh, nhớ được vô số kiếp về trước, biết mình trước đã từng làm gì, tên gì, ở đâu v.v..., đó là trả lời được câu thứ nhất “Ta là ai?” Từ canh hai tới canh ba ngài chứng Thiên nhãn minh, thấy chúng sanh chết đây rồi theo nghiệp dẫn sanh trong lục đạo luân hồi, người thiện đi đường lành, người ác đi đường dữ, nghiệp dẫn rõ ràng như vậy, là trả lời thắc mắc “chết rồi đi về đâu?” Từ canh ba đến canh năm chứng được Lưu tận minh, ngài biết rõ ràng nguyên nhân đi vào luân hồi và nguyên nhân thoát ly sanh tử. Những gì ngài mong mỗi trông đợi đã giải quyết xong, đạt thành mục đích, ngài tuyên bố thành đạo.

Trên đời này có gì quan trọng hơn ba vấn đề nêu trên? Có mặt ở đây mà không biết từ đâu lại, khi xưa mình làm gì, tại sao người khác hạnh phúc còn mình đau khổ, người ta đẹp đẽ sáng sủa, còn mình xấu xí ngu mê v.v...? Nếu biết được nhân đời trước thì hết nghi ngờ quả đời này. Thấy những người hiện tại tạo nghiệp thiện ác, khi nhắm mắt bị nghiệp dẫn đi, mới biết chết rồi không phải là hết. Biết như thế thì trên đường tu mới không thôi chuyển. Thấy rõ người làm ác sẽ bị nghiệp dẫn tới cõi ác, người làm việc lành được nghiệp dẫn tới cõi lành, cuối cùng người sạch hết nghiệp thì thoát ly sanh tử. Thấy hiểu như vậy là đúng với sở nguyện.

Giả sử có vị thần thánh nào cho ta câu thần chú trị bệnh gì cũng lành, là chưa đúng sở nguyện của người tu Phật, vì thần chú chỉ làm bớt bệnh cho người khác, chứ không cứu được mình. Càng làm thầy thuốc hay trị lành bệnh nhiều người càng dễ kẹt trong lợi danh, rồi quên tu luôn. Đó là có làm chúng ta đi lệch đường tu mà không hay. Khi tu phải có hướng khẳng định, biết sai liền sửa, đi đúng đường mới tới giác ngộ giải thoát.

Trong khi tu, nếu có những niệm lan lẹ phải bỏ liền, giống người có mắt như mù, có tai như điếc, vừa khởi nghĩ như chạm vào vách bạc núi sắt trơn lỳ, không dính kẹt gì hết, đó là đúng chỗ tu hành đi tới giác ngộ.

Tại sao chúng ta phải nghiêm ngặt thấy như mù, nghe như điếc? Tu như vậy thấy như khờ, như ngốc. Hồi trước chưa tu thấy lanh lợi khôn ngoan, tu rồi coi bộ ngu khờ quá, không biết suy luận tính toán gì cả! Chúng ta phải biết

tâm nghĩ suy phân biệt tính toán là những đám mây mù che mặt trăng trí tuệ, phải dẹp đám mây cho trống đi thì mặt trăng mới hiện, nếu giữ nó thì suốt đời tánh giác bị ẩn chìm. Tin theo nghĩ suy phân biệt thì quên mất cái chân thật hiện tiền của mình. Đập tan những nghĩ suy là dẹp được mây mù, mặt trăng trí tuệ sẽ sáng tỏ. Cũng thế, tất cả vọng tưởng thiện ác phải quấy đều phải buông cho hết thì tánh giác mới hiện lộ đầy đủ sáng ngời.

Tu là sửa, mà ở đây tu bằng cách bỏ hết những niệm lăng xăng để tánh giác hiện lộ thì có tu sửa gì đâu, cho nên trong kinh thường nói tu mà không tu. Lại nói chứng mà không chứng, vì tánh giác sẵn có thì không có gì để chứng. Như mặt trăng sẵn có mà bị mây mù che, nếu mây tan thì mặt trăng hiện lộ. Được cái đã có sẵn là không có gì để được. Hiểu tường tận mới thấy chỗ thâm sâu của Phật pháp. Cái có sẵn mà quên, rồi chạy theo những cái dối trá tạm bợ, lôi dẫn mình chạy ngược chạy xuôi năm này tháng nọ, điên đảo vô cùng. Càng thông minh lanh lẹ càng lao trong dòng nghiệp thức, nó dẫn mình chạy không biết tới đâu là cùng. Muốn dừng dòng nghiệp thức, chúng ta phải buông tất cả suy nghĩ tính toán, sống như ngu như ngơ thì mới trở lại được cái chân thật. Cái gì cần biết đều biết, đó là chỗ đặc biệt.

Hạ thủ công phu tu thiền không nên tránh chỗ ồn tìm chỗ vắng, lim dim nhắm mắt, ngồi trong hang quỷ cho là kế sanh sống. Người xưa nói: “Ngồi dưới núi tối, chìm trong nước chết thì cứu được việc gì?” Chỉ cần ngay trong cảnh duyên thực hành kỳ được, mới là chỗ đắc lực. Một câu thoại đầu để trên trán, đi đứng nằm ngồi, mặc y, ăn cơm, tiếp người đợi khách, cần yếu thấu suốt được chỗ tột cùng của một câu thoại đầu. Một sáng, khi rửa mặt rờ nhằm chót mũi, mới biết lâu nay nó rất gần, thế là được tỉnh lực. Thật được thế rồi, mới hoàn toàn không uổng phí công phu.

Tu thiền không phải lựa chỗ thật vắng, thật yên, ngồi một hồi rồi ngủ quên không hay gì cả, đó là đi trong nước chết. Còn ngồi trong phòng, nghe tiếng xe chạy, tiếng nói chuyện mà không dính, đó là tỉnh là sáng. Tu cốt giữ tâm hằng tỉnh hằng giác, nếu mê là che khuất tâm tỉnh giác, nên nói đi vào hang quỷ.

Khi ngồi thiền thiu thiu ngủ liền bị đánh cái chát làm giật mình, xử sự có vẻ khắc nghiệt tàn nhẫn. Người không biết nói tu hành mà sao dữ dằn quá, không thương người chút nào, từ bi là để người ngủ ngon, sao lại đánh? Nhưng đánh đó mới thật từ bi, vì ngồi để tu mà ngủ thì thôi còn gì. Suốt đời nói tu mà không tu, không tiến được bước nào. Tu phải tỉnh mới giác, mê làm sao giác được? Vì thế vừa mê là phải đánh cho tỉnh, gọi đó là gậy từ bi cảnh tỉnh người. Những người chưa mê chung quanh nghe đánh cái chát cũng giật mình tỉnh luôn, giúp một người mà giúp luôn cả nhiều người. Tu là phải như vậy, nhắc nhở chúng ta luôn luôn tỉnh giác không cho mê. Đó là ý nghĩa tu thiền.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ nhận thức thần làm Phật sự. Hoặc nheo mắt, lắc đầu xoay mặt cho là có ít nhiều kỳ đặc. Nếu bám vào thức thần để làm việc, chắc chắn sẽ rơi vào ngoại đạo không nghi. Quả là chạy trên đường lạc lẫm, rất đáng tiếc vậy!

Thức thần là thức phân biệt hiểu biết, cho đó là gốc của sự tu, là sai lẫm. Phải nhận được tâm rõ ràng thường biết (liễu liễu thường tri), mà không niệm phân biệt. Còn khi tu thấy tâm sáng suốt, nhớ chuyện rất đúng rất hay, đó là thức thần, chưa phải liễu liễu thường tri.

Hạ thủ công phu tu thiền chỉ tại dụng tâm trên một công án, không nên trên tất cả công án giải hội. Nếu giải được trọn là giải hội, không phải là ngộ. Kinh Pháp Hoa nói: “Pháp ấy không phải chỗ suy nghĩ phân biệt hay đến được.”

Tâm thể bất sanh bất diệt không phải trên hiểu biết, trên suy nghĩ phân biệt. Trong kinh Pháp Hoa Phật nói: *Pháp ấy không phải chỗ suy nghĩ phân biệt hay đến được*. Kinh đã nói rõ, chúng ta phải biết dừng suy nghĩ tính toán, đừng lẫm lẫm.

Kinh Viên Giác nói: “Lấy suy nghĩ làm tâm, xét lường cảnh giới Viên giác của Như Lai, như đem lửa đom đóm đốt núi Tu-di, trọn không thể được.”

Suy nghĩ phán đoán như lửa đom đóm, muốn tìm cho ra tánh viên giác thì không bao giờ tìm được. Phải buông xả hết tâm suy nghĩ phân biệt thì tánh viên giác hiện tiền.

Ngài Động Sơn nói: “Nghĩ đem tâm ý học huyền tông (thiền tông), giống hệt đi hướng tây mà mặt hướng đông.”

Nếu đem tâm ý phân biệt để học thiền giống như người muốn tới hướng tây mà xoay mặt về đông, đi là sai lẫm.

Phàm người đào bới công án, cần phải dưới da có máu, biết hổ thẹn mới được.

Nếu tu công án hay tu đến chỗ chân thật, không nên dính kẹt ngoài da, phải thâm nhập thấu suốt ở trong mới thành công.

Hạ thủ công phu tu thiền rất sợ rơi vào Không. Song thoại đầu hiện tiền làm sao Không được?

Đây chỉ sợ rơi vào Không, mà chẳng được Không, huống là được thoại đầu hiện tiền?

Chúng ta tu biết niệm khởi liền buông, khi buông niệm thành Không, có thật thành Không chăng? Nếu Không thì cái gì biết niệm khởi? Cái thấy không

còn niệm khởi gọi là Không được chẳng? Chúng ta cứ ngỡ nhìn chỗ niệm khởi, có thì nói có, lặng thì nói không, Không là không chỗ niệm khởi, chứ không phải thật không.

Thí dụ tôi ngồi trong thất, tôi là chủ, khách tới một người, hai người, rồi năm bảy người tôi đều thấy đều tiếp, chừng khách ra hết, tôi biết khách ra hết. Vậy trong nhà còn chủ không? Nếu không có chủ làm sao phân biệt khách vào ra, phân biệt được khách tức là có chủ. Nếu không có tâm thường trực sáng suốt, làm sao thấy niệm khởi, nếu không thấy niệm khởi, làm sao buông?

Hiện giờ chúng ta đang sống với chủ hay với khách? Khách này tới nhận là thân quen, khách khác tới cũng thân quen, cả ngày mình là khách chứ không còn là chủ nữa.

Tâm rất tế nhị, nhìn thấy niệm vừa dấy lên, biết là niệm liền buông, buông rồi niệm lặng mình biết. Cái thấy trước khi niệm khởi và cái thấy sau khi niệm lặng, đó là cái gì? Cái thấy đâu phải là niệm. Niệm khởi, niệm lặng là khách, còn cái thấy niệm khởi niệm lặng đâu phải là khách. Người chủ ngồi trong nhà, khách đến biết khách đến, khách về biết khách về, thế là ông chủ hiện tiền.

Chúng ta đâu có người nào không có chủ. Thế mà hiện giờ chúng ta đều sống với khách, quên ông chủ. Khách là kẻ tạo nghiệp dẫn mình đi trong lục đạo luân hồi, còn ông chủ đưa chúng ta tới giải thoát sanh tử. Tu thì đòi giải thoát sanh tử, mà sống thì sống với những kẻ tạo nghiệp luân hồi, đúng là muốn đi về tây mà hướng mặt về đông, thật đáng thương!

Cho nên Phật thương tất cả chúng sanh, không phải thương vì nghèo đói, mà vì không biết được manh mối lôi kéo chúng ta trôi lăn trong luân hồi sanh tử, không biết bao giờ được tự tại giải thoát. Khách mà nhận là chủ, chạy theo khách thì không phải điên đảo, không phải mê muội là gì. Thế mà ai cũng thấy mình sáng suốt, thông minh! Dù được sanh cõi trời sung sướng, nhưng hết phước rồi năm tướng suy hiện ra cũng phải rơi xuống.

Ở đời này, người nghèo khổ vì lo ăn lo mặc, người giàu có dư dả cũng có cái khổ của họ, không có ai mê muội mà được thanh thoi tự tại, chỉ có người thức tỉnh. Cho nên Phật dạy chúng ta muốn thoát ly sanh tử là ngay đời này không bị những tâm điên đảo dẫn dắt mình, mà phải sống với ông chủ thật của mình.

Khi ngồi thiền niệm lặng hết, lúc đó là không niệm chứ không phải không có cái thấy không niệm. Niệm là khách, thấy không niệm là chủ, là mình. Khi không nghĩ gì tưởng như mất mình, đâu ngờ đó là phước, khách không làm rối loạn, ông chủ được thanh thoi.

Đường lối tu của đạo Phật rất tế nhị thâm trầm mà người đời không biết. Suy nghĩ tính toán, khôn dại hơn thua, thế gian cho là khôn, đối với tu thiên thì chưa phải, nói thẳng là còn ngu. Phật pháp rất khó nghe, vì thường tình lấy suy nghĩ phân biệt làm tâm, còn đạo Phật nói chỗ dừng hết suy nghĩ phân biệt mới thật là tâm. Đến nơi rồi mới biết được giá trị của người tu.

B. CHỈ CHUNG MẬT TRUYỀN PHẬT PHÁP

Đức Thích-ca bỏ nhà đi học đạo, nhiều luận giả bàn rằng: “Ngài phế bỏ luân lý kỷ cương.” Họ đâu biết, chính ngài chưa từng bỏ vậy. Như sau khi thành Phật, ngài nghĩ đến độ vua cha và độ bà Ma-da, kể độ Da-du-đà-la, La-hầu-la và sau độ A-nan v.v... Đó là luân lý vua tôi cha con vợ chồng anh em đều chưa từng bỏ. Thế mà, bảo rằng ngài phế bỏ luân lý kỷ cương được sao?

Theo đạo Khổng, bỏ cha bỏ mẹ đi tu là bất hiếu, nhưng với tâm người tu thì khác, Phật đi tu không phải bỏ luân lý cương thường. Như khi tôi đi tu, phần nuôi vật chất cho cha mẹ thì giao cho em, phần lo tinh thần là trách nhiệm của tôi. Cha mẹ đâu phải sống đời, nếu khi chết mà không biết đường tu thì sau này sẽ khổ. Lo cho cha mẹ có ăn có mặc là việc của người đời. Còn lo cho cha mẹ hiểu đạo, tránh tội lỗi, biết tu hành để mai kia không rơi vào đường khổ, là trách nhiệm của người tu. Vậy người tu có bất hiếu hay không?

Đức Phật sau khi giác ngộ, về cung giáo hóa cha mẹ thân nhân. Phần vật chất ngài không lo, phần tinh thần đạo đức ngài lo đầy đủ bốn phần.

Song, muốn nói phế bỏ là căn cứ vào hàng Tỳ-kheo mà nói, chứ hàng tể quan cư sĩ đều không bỏ nhiệm vụ quốc gia, mà vẫn học đạo tu chân, thì đâu thể nói phế bỏ luân lý kỷ cương?

Xuất gia làm Tỳ-kheo thì mới bỏ gia đình ra đi, nếu là cư sĩ tu tại gia thì đâu có bỏ cha mẹ, đâu có bỏ trách nhiệm với đất nước. Vì vậy đâu phải người nào tu theo Phật đều bỏ hết luân lý kỷ cương.

Giả như, Phật dạy những người không sáng suốt, chỉ biết ham nuôi miệng bụng, chẳng xét đến việc trì trai giữ giới, quý người khinh vật, chặt chém các loài động vật đồng như cây cỏ, chẳng biết các loài bàng sanh đều gọi là chúng sanh, đều có Phật tánh. Dùng gấm lụa để làm đồ trang sức đẹp, không biết giết muôn mạng côn trùng để làm sáng đẹp thân bọ bèo, đáng tiếc vậy.

Chúng ta khi chưa biết đạo, chưa biết tu, chỉ làm sao ăn cho ngon, mặc cho đẹp. Tất cả loài động vật từ nhỏ đến lớn mà nghe nói ăn ngon mình đều

muốn ăn cho biết. Ăn cho lắm, cuối cùng huyết áp cao, xảy ra những tai nạn như đột quy, tai biến... Cho nên ăn nhiều đâu có tốt. Mặc lụa là phải giết biết bao nhiêu con tằm trong ổ kén, cái đẹp của mình làm tổn hại bao nhiêu sanh mạng chúng sanh. Tưởng ăn ngon mặc đẹp được sống dai, nhưng đâu ngờ đó không phải là căn bản.

Trăm vị trân tu lấy làm ngon lành, không biết đã nấu nướng bao nhiêu sanh mạng của loài thủy tộc thú cầm, để dồn đầy lỗ ghẻ đói, tội rất lớn.

Những món trân tu mỹ vị chúng ta ăn cho ngon, nhưng nấu nướng không biết bao nhiêu sanh mạng của loài thủy tộc thú cầm, rồi dồn vào mọt ghẻ đói. Khi nào nó thiếu thì dồn vô cho đầy, thôi thì rau luộc nước tương cũng được, cần chi những trân tu mỹ vị mà tổn hại sanh mạng chúng sanh!

Bẫy chim săn thú trùm khắp núi rừng, đánh lưới giăng câu dẫy đầy biển cả, bò heo nai dê bán đầy chợ búa, cá tôm cua trạnh bày các nẻo đường, làm theo thói quen an nhiên chẳng sợ, không biết kết oán mang nợ, đền trả không cùng.

Tất cả thức ăn ngon của chúng ta đều làm thương tổn sanh mạng chúng sanh, đó là kết oán mang thù. Có con vật nào khi bị cắt cổ mà bằng lòng ưng thuận đâu, nó giãy, nó la mà cứ cắt, xong rồi tụng Đại bi cầu cho nó vãng sanh! Đây là lấy cớ để che cái tàn nhẫn của mình thôi. Nếu thương nó thì để cho nó sống, nuôi chừng nào nó chết, tụng chú cầu nguyện vãng sanh thì được. Người hiểu biết nhớ đừng làm lần.

Ca hay múa giỏi, đàn nhạc thanh tao, gái yêu trai mến, lòng thích ý ưa, anh hiền hào kiệt xem nghe mê mết, đâu biết biển đục không bờ, nó vốn cội nguồn sanh tử.

Gặp hội trúng thời tranh danh giành lợi, dậm tắt vinh hoa, đường dài phú quý, người bậc trung trở lên thấy đều mắc kẹt, không biết nó vô thường như huyễn hóa bọt nổi, lại là gốc trầm luân.

Đam mê tài sắc thì chìm trong sanh tử. Ham mê danh lợi, tranh giành quan chức thì tạo nghiệp trầm luân.

Trói buộc tình duyên, mến thương cốt nhục, khổ vui đầy tâm, niệm sanh tử cột chặt, không biết có giải thoát vậy. Vọng phân nhân ngã kết thành ân oán, không biết có bình đẳng vậy. Lại chỉ bàn việc hiện tại, họ đâu biết thân đời sau do nhân quả thiện ác, mà trải qua ngàn đời muôn kiếp chịu quả báo không cùng. Phật pháp rất rõ ràng rành rẽ đến thế, những người trái phạm như xưa tuy nhiều, song người vâng dạy tu hành cũng chẳng ít. Phật pháp làm cây cầu cho thế đạo đâu chẳng lớn sao?

Xét cho rõ mới thấy Phật pháp là cây cầu đưa chúng ta qua khỏi biển trầm luân. Tình duyên thương mến v.v... đều cột trói mình không giải thoát được. Phân biệt ân oán, ngã nhân là tâm bất bình đẳng. Những việc hiện tại do nhân quả tạo nên có thiện có ác, có nhân thì phải đền quả, luân hồi muôn kiếp khôn cùng. Ngày nay biết tu, chúng ta phải vượt thoát khỏi nó, mà chính Phật pháp là cây cầu để chúng ta qua biển khổ trầm luân, giải thoát tất cả những trói buộc.

Nho là pháp thế gian, dùng làm kỹ cương danh giáo để gìn giữ việc sanh tiền, Phật là pháp xuất thế, dùng để nuôi luyện tánh linh, mong đời sau được tiến lên. Hai bên vốn không hại nhau, ngại gì cả hai chẳng đồng còn.

Theo Trung Quốc thì Nho và Phật đồng truyền, Nho thuộc pháp thế gian, Phật là pháp xuất thế. Hai việc đều rất thiết yếu cho con người.

Có kẻ bảo: “Người học Phật đem tâm cầu tâm, ấy là lấy tâm dụng tâm, in tuồng hai tâm.” Họ không biết rằng tâm là linh minh lặng lẽ viên dung vô ngại, bao gồm muôn pháp, trùm hết mười phương, rất linh rất diệu, tâm chỉ một mà thôi, chứ không có hai. Bởi nó viên dung vô ngại, nên ngoài quán trăm vật, chỉ một tâm này, trong quán một tâm cũng chỉ một tâm này. Ngoài quán trăm vật gọi là phóng quang, trong quán một tâm gọi là phản chiếu. Hay phóng quang lại hay phản chiếu là lý do tâm này linh diệu. Mặt trăng hay soi vạn vật mà không thể soi trở lại mặt trăng, gương hay soi vạn tượng cũng không thể soi trở lại gương. Do đó hai cái sáng này đều không có linh vậy.

Tâm linh diệu phi thường, ngoài quán trăm vật, trong quán nội tâm, chỉ một tâm chứ không có hai. Quán tâm tức là nhìn lại nội tâm, những gì sanh diệt đừng lầm theo, quán trăm vật tức là nhìn ra ngoài thấy muôn vật mà không bị cột trói. Cho nên quán ra hay nhìn vào đều là một tâm linh diệu, chứ không có hai.

Tâm hay quán vạn vật, lại hay phản chiếu tâm linh chính mình. Tâm mình là nhiễm hay tịnh, là thánh hay phàm thì tâm tự biết đó, ấy tức là đem tâm quán tâm. Không phải bảo bị quán là một tâm, hay quán là một tâm. Tâm đã hay quán trăm vật bên ngoài, há lại không thể quán một tâm ở bên trong sao? Cái dụng của mắt tai, công năng là một, chứ không thể hai. Lấy một làm một đó là căn cứ trên hình tượng. Tâm hay một mà cũng hay muôn, lấy muôn làm một, đó là thần. Thế là, tâm hay quán tâm.

Sáu căn mắt tại mũi lưỡi thân ý của chúng ta, như mắt chỉ thấy sắc, tai chỉ nghe tiếng... chứ không quán ngược trở lại. Còn tâm thấy trăm vật bên ngoài gọi là phóng quang, trở lại soi chiếu bên trong gọi là phản chiếu, diệu dụng phi thường.

Tâm chân thật đầy đủ nơi mọi người. Tâm là một, nhưng tùy theo mắt tai mũi lưỡi thân mà có những dụng riêng, thấy như là khác nhưng thật ra chỉ là một cái biết thôi, biết thấy, biết nghe, biết ngửi... tùy duyên thành ra sáu.

Phàm muốn tâm được tịnh, bỏ nhiễm thì được tịnh. Cái gì hay làm thế? Tâm vậy. Gọi đó là “đem tâm quán tâm” thì được, gọi đó là “đem tâm cầu tâm” cũng được, gọi đó là “lấy tâm dụng tâm” thì không được. Nếu nói “lấy tâm quán tâm là hai tâm” thì đem tâm giác trăm vật, tức phải là trăm tâm vậy.

Muốn tâm được thanh tịnh phải bỏ những ô nhiễm. Vừa nghĩ điều gì không tốt là nhiễm, tâm biết rõ nhiễm nên bỏ, tâm đó là tịnh. Đem tâm thấy những tâm nhiễm xấu chừa bỏ, gọi là đem tâm quán tâm thì được. Đem tâm để cầu những tâm nhiễm ô dứt sạch, gọi là đem tâm cầu tâm, cũng được.

Còn lấy tâm dụng tâm thì không được. Tại sao? Vì không thể lấy tâm thật xúi giục tâm giả làm việc này việc kia, tâm thật chỉ bỏ tâm giả, tâm giả lên trời lên thì bỏ. Nên nói lấy tâm dụng tâm thì không được.

Nếu lấy tâm quán tâm cho là hai tâm, thì lấy tâm biết sắc trần là một tâm, biết thanh trần là một tâm... tức phải là trăm thứ tâm vậy. Nhưng không phải, chỉ có một tâm mà thôi. Nếu nói mỗi tâm quán ra ngoài là một tâm, đó là sai lầm.

Luận giả bảo: “Người học Phật chỉ chú trọng hướng nội, còn nghĩa bên ngoài thì chưa được nghe.” Người học Phật chú trọng hướng nội là phải. Bởi vì người học Phật dùng chỉ dứt tâm lăng xăng, gọi là lặng lẽ; dùng quán để trừ mờ tối, gọi là tỉnh táo. Chỉ mà thường quán thì chỉ không phải vô ký. Quán mà thường chỉ thì quán không phải loạn tưởng. Định như quả đất tám gió thổi chẳng động. Tuệ như mặt trăng sáng soi khắp vạn vật không sót. Lấy tuệ làm định thì thể định trong sáng. Lấy định làm tuệ thì dụng tuệ lặng lẽ. Chỉ quán làm nhân, định tuệ làm nghiệp. Công do trước giữ giới luật, oai nghi thanh tịnh; chú trọng do hướng nội, có thể nói rất thích hợp với Nho giáo.

Người học Phật lấy Chỉ dứt tâm lăng xăng được lặng lẽ, lấy Quán trừ mờ tối được tỉnh táo. Vậy chỉ quán là định và tuệ, là hai pháp thiết yếu cho cuộc sống, không thể nào thiếu được. Trong khi tu từ định mà sanh tuệ, cũng như từ tuệ mà sanh định. Như vậy chỉ quán làm nhân, định tuệ làm nghiệp. Xoay lại hướng nội để dẹp chừa tất cả mê lầm, sai sót của mình, như vậy đạo Nho đâu có chê điều đó.

Song, thân tâm đều kiện toàn, hạnh giải được tương ưng. Bên trong tu trí quán, bên ngoài oai nghi nghiêm chỉnh. Bồ-tát Yết-ma là tôn trọng pháp tắc của Phật để lại. Sáu độ muôn hạnh là trang nghiêm Phật sự. Nói

không sát, làm thương hại các loài bò bay máy cựa là phạm tội sát. Nói không trộm, mũi ngửi lén mùi hương của hoa dưới hồ, là phạm tội trộm. Nói chẳng dâm, cách vách nghe tiếng khua vòng xuyên khởi tâm, là phạm tội dâm. Nói chẳng tham thì một cọng rau một mũi kim cũng không dám tham. Nói chẳng sân thì các bộ phận trong thân bị cắt xẻo cũng không dám giận. Nói chẳng si là Đẳng giác Như Lai, dù còn một phần vô minh chưa phá cũng gọi là si. Nghĩa ở bên ngoài là nghiêm là mật vậy. Kẹt cứng ở chỗ khô khan đó là hàng Tiểu thừa Độc giác, không phải là môn Viên đốn Đại thừa. Sơ lược để rồi buông lung là cuồng thiên phóng dật. Trái giới luật Bồ-tát là tội tại người học, chứ Phật có tổn giảm gì?

Phương pháp Phật dạy nghiêm ngặt như thế, đây đều là từ kim khẩu của Phật truyền lại, chép rành trong kinh, văn thể rõ ràng, đâu thể nói rằng phương pháp phi nghĩa.

(Bồ-tát là hợp chúng tụng giới và chỉ lỗi cho những người có phạm sám hối. Yết-ma là hòa hợp chúng để tuyên bố một việc gì, nếu toàn chúng đều ưng thuận mới được làm.

Người tu luôn luôn dùng Chỉ Quán nghiêm tịnh, nhưng cũng phải Bồ-tát Yết-ma để giới luật được trang nghiêm. Phải giữ giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm v.v... Người xuất gia chẳng những giữ giới không giết người, giết chúng sanh mà còn một chút tâm muốn hại các loài cũng phạm tội sát sanh. Giữ giới không trộm mà chỉ ngửi lén mùi thơm hoa sen dưới hồ cũng phạm tội. Đây là câu chuyện trong Sa-di Luật Giải.

Có một Sa-di đi bên hồ sen, thấy sen nở hương thơm, ông thích đi quanh hồ để ngửi hương. Một vị thần hiện ra nói:

Sao ông trộm mùi sen của tôi?

- Tôi đâu có làm gì mà nói là trộm? - Ông ngửi lén đó.

Một lát sau có hai ba người dân lội xuống hồ sen nhổ lấy ngó. Sa-di mới nói: Tôi ngửi chút hương thơm ông nói tôi trộm hương, bây giờ người ta nhổ sen sao ông không rầy? Thần nói: Những người đó như người mặc áo đen, có dính thêm năm bảy chấm mực cũng không thấy dơ, còn ông là người mặc áo trắng, dính một chút cũng thấy dơ rồi. Tôi rầy là rầy một chút dơ đó.

Như vậy những người không biết tu, làm những điều tội lỗi coi như chuyện thường, có rầy họ cũng không biết, còn người biết tu thì một mảy dấy tâm cũng là tội lỗi. Đây là nhắc người tu phải tế nhị, cẩn thận.

Nói chẳng dâm, cách vách nghe tiếng khua vòng xuyên khởi tâm là phạm tội dâm. Trong Luật có kể một Sa-di ở phòng bên, nghe phòng khách có mấy

cô thiếu nữ ăn mặc sang trọng, mang vòng xuyên khua leng keng, ông khởi tâm xấu, bị thần quả phạm giới dâm. Giới luật tế nhị như vậy.

Chúng ta biết thiên định, chỉ quán rõ ràng, tu hành được định tuệ mà không giữ giới luật, là thiếu bốn phận người tu. Hiểu thấu được đạo, nắm vững đường lối tu, giữ gìn giới luật, mới là trọn vẹn.

Luận giả bảo: “Nho giáo cầu phóng tâm giống như Phật giáo nói nhập định. Nhưng, Phật giáo đến chỗ này bèn như tâm chết không chủ tế.” Câu nói này in tuồng đúng mà thật là sai. Phóng tâm là tâm chạy ngàn muôn dặm, không thảng được cái chớp nhoáng lảng xảng của nó, tìm bắt nó còn chưa chắc nắm được trong tay. Định tâm là tâm nhiếp vào một cảnh, rồi tự lặng lẽ an ổn, dần dần tự nhiên phát tuệ sáng. Nói định tâm như chết, tức là không biết định vậy.

Phóng tâm nói theo bên Nho, còn định tâm nói theo bên Phật. Phóng tâm không phải như định tâm. Định tâm là kìm chế tâm lại, từ định rồi phát tuệ, sao nói như chết được?

Phật giáo nói Chỉ ắt gồm có Quán. Nói lặng ắt gồm có soi. Có “Không Như Lai tạng” thì một pháp chẳng lập. Có “Bất không Như Lai tạng” thì muôn pháp đầy đủ. Như chỉ có một vàng trắng mà rọi bóng trên muôn lượn sóng; muôn lượn sóng mỗi lượn có một bóng mặt trắng, mà mặt trắng chỉ có một.

Một vị nước mưa cam lồ mà cứu được muôn loài. Muôn loài, mỗi loài có một thứ nước mưa, mà trên nước mưa chỉ có một vị.

Phật giáo nói có Chỉ có Quán. Chỉ gồm có Quán, cũng như Quán gồm có Chỉ. Trong kinh lập *Không Như Lai tạng* và *Bất không Như Lai tạng*, tức là có cái kho Như Lai trống rỗng và có cái kho Như Lai đầy ắp. Chúng ta dẹp sạch tất cả hạt giống phiền não vô minh thì thành kho Như Lai trống không (*Không Như Lai tạng*). Khi nó không rỗng thì có tất cả diệu dụng hiện tiền nên gọi là *Bất không Như Lai tạng*. Như Phật sau khi định rồi ngài chứng Tam minh Lục thông, đó là *Bất không Như Lai tạng*.

Ai cũng có sẵn Như Lai tạng, mà hiện giờ là *Không Như Lai tạng* hay *Bất không Như Lai tạng*? Hai chữ *Không* và *Bất không* này chúng ta không dính được chữ nào. Chúng ta có kho chứa đầy tràn trề phạm tình điên đảo, chứ không phải Như Lai tạng. Khi nào dẹp sạch tất cả phạm tình mới gọi là *Không Như Lai tạng*. Rồi có diệu dụng đầy đủ gọi là *Bất không Như Lai tạng*. Còn kho chúng ta hiện giờ chứa đầy tràn nên bị khuất lấp, cho nên có Như Lai tạng mà không biết.

Khi tâm khởi dụng thiên đường thì có dục giới, sắc giới, vô sắc giới, tốt đến hoa hương đài. Khởi dụng địa ngục thì có cột đồng giường sắt. Biến thành hoa tạng thì vua quan do Bồ-tát ứng hiện, con ốc con hến con cáp là đại sĩ hóa thân, các thứ tác dụng, các thứ sự nghiệp, thấy đều từ trong tịnh định mà hiện. Bảo là tâm chết có thể được sao?

Khi tâm khởi dụng thiên đường, tức là tu Thập thiện hay tu Tứ thiên thì có các cõi Dục giới, Sắc giới hiện. Hoặc khi khởi tâm hướng về Cực lạc thì có hoa sen hiện. Khởi dụng về địa ngục, tức là tạo tội ác liền có cột đồng giường sắt.

Khi tâm biến thành hoa tạng, đây là nói về phẩm Hoa Tạng Thế Giới trong kinh Hoa Nghiêm, thì lúc đó nào là vua, quan v.v... đều là Bồ-tát ứng hiện, cho tới các con vật đều là các vị Đại sĩ hóa thân, thấy đều tương ứng với tịnh định, có diệu dụng không thể lường được.

Luận giả bảo: “Phật nói là Tánh, chính thánh nhân nói là Tâm. Phật nói là Tâm, chính thánh nhân nói là Ý. Phật nguyên không nhận được lý này, bèn nhận hiểu biết vận động, hay xem hay nghe, hay nghĩ hay động là chính lý.”

Câu nói này rất lầm. Phật giáo nói tâm tánh nguyên chỉ là một vật. Trong khoảng trời đất có một cái thanh tịnh rộng lớn lóng lánh tròn sáng, gọi là Tánh. Chỗ tánh linh thông gọi là Tâm. Tánh như thể sáng của gương, tâm như dụng chiếu soi của gương. Tuy nói có hai, kỳ thật chỉ là một vật. Không chỗ nào chẳng gồm ở trong, gọi chung là Tánh. Tánh mà linh thông bèn gọi là Tâm. Như núi sông đất cát cỏ cây ngói gạch đều có tánh. Chỉ tánh người hay linh thông tri giác, mới gọi là tâm. Núi sông đất cát cỏ cây ngói gạch chỉ gọi là tánh, không gọi là tâm. Phật sở dĩ nói tâm là cái thanh tịnh lóng lánh tròn sáng gọi nó là bản giác, là Bát-nhã, là Tỳ-lô tánh hải, là ma-ni bảo châu.

Chữ “tâm” trong nhà Phật là chỉ cái tâm chân thật bất sanh bất diệt của chính mình, tâm đó thường hằng thanh tịnh, luôn luôn sáng suốt.

Nói Ý chính là thức thần của tâm người, là gốc của sanh tử. Phật sở dĩ viên tu diệu ngộ vì quyết chuyển thức thần này trở thành trí tuệ, nên gọi chuyển phàm thành thánh. Bởi vì phàm phu cùng thánh nhân vốn đồng đủ tâm tánh này. Phàm phu mê chân theo vọng, do đó trí tuệ hóa làm thức thần. Thánh nhân phá vọng về chân, do đó thức thần chuyển thành trí tuệ.

Chúng ta tu là chuyển thức mê làm thành trí tuệ sáng suốt. Thấy thân này quý giá, dễ thương là thức, thấy thân này huyễn hóa, như chớp là trí. Thử kiểm lại trong một ngày chúng ta sống với trí được bao nhiêu phút hay là trọn hai

mười bốn giờ sống với thức? Tu là chuyển thức thành trí, không nên mê mãi sống với thức mà bị trầm luân, không thể nào giải thoát được.

Ý là cái bị Phật quở trách. Vì thế, bảo “Phật nói Tâm, chính thánh nhân nói Ý”, lời này lỗi lầm rất lớn vậy.

Ý là cái lãng xãng, là tâm vượn tâm khi bị Phật quở trách.

Phật trở về chân, thì hiểu biết vận động xem nghe nói động, hay xem hay nghe, hay nói hay động, thấy đều là tánh. Phàm phu theo vọng, thì hiểu biết vận động xem nghe nói động, hay xem hay nghe hay nói hay động, thấy đều là vọng. Bảo rằng: “Phật chỉ nhận được hay xem nói động chính là tánh”, đâu không phải là ngu? Cái hay xem hay nghe hay nói hay động, gọi nó chẳng phải tánh thì không được. Bảo rằng Phật nói “Tánh thanh tịnh lóng lạng tròn sáng chỉ tại xem nghe nói động mà được tên” lại có lẽ phải u?

Phật nói ngay nơi cái thấy, xem, nghe của mình là có tánh Phật, có tâm chân thật trong đó. Nhưng xem mà theo sắc thì bị quở, thấy mà không chạy theo sắc thì Phật nói đó là tâm là tánh. Nếu nói ngay cái thấy cái nghe mà chạy theo thanh sắc là tâm tánh, hiểu như vậy là không đúng.

Phàm nói tánh là Như Lai hội một tánh vào một tông chung. Nói lý là Như Lai nói muôn lý nơi sự vật. Lý rất rộng rãi, ngang trùm pháp giới. Lý rất tinh vi, chia chẻ một mũi nhọn cũng khó chen vào. Nhị thừa phá kiến hoặc tư hoặc, tột lý vẫn còn thô. Bồ-tát phá vô minh, cùng lý rất tinh. Bạc Đẳng giác còn một phần vô minh chưa phá, thì lý còn có ngại. Vào bậc Diệu giác, về sau một chân thấu tốt, muôn dặm rộng suốt mà nói chẳng nhận được chữ lý đó là lời gì. Phàm lý có tự nhiên, an bài đã cách xa. Lý có mỗi nơi, vua gom tức trái. Chẳng an bài mà có, chẳng vua gom mà hợp, đây là Phật lý rất chí diệu.

Lý của nhà Phật nói là chân lý, không phải ai an bài, không phải ai sắp đặt mà nó sẵn từ thuở nào. Thấy được lý thật, đó là đạt lý.

Trí tuệ chuyển hóa làm thức thần. Tri kiến càng nhiều thì tánh linh càng mờ. Mặc người nói lý khúc chiết, ngữ ngôn vi diệu, trọn là ở trong nhà quỷ tìm kế sống, trên đùa tinh hồn. Đâu biết dẹp hết danh ngôn, quét sạch nghĩa lý, đem tất cả cội gốc lý lẽ bình nhật, một lúc lật đổ hết sạch, mà trung gian chỉ biết huân quán Bát-nhã, lạng lẽ tỉnh táo bỗng nhiên như luồng điện chớp, hoa sen chợt nở, gọi là đại ngộ. Bởi vì câu thoại đầu của nhà thiền chánh diệu, chính không có ý vị, bỏ phân biệt được tự tại, chuyển thức thần thành Bát-nhã. Cần biết, Lục Tổ là tiền phụ, không biết một chữ mà được chứng ngộ. A-nan là người đa văn tổng trì, do đa văn quét sạch, sau mới ngộ chân không, bởi có lý do vậy.

Người đời cho rằng ai lý luận giỏi là khôn ngoan, thông thái, nhưng đối với đạo thì không phải. Ai dẹp bỏ được thức lăng xăng phân biệt mới trở về cái chân thật Bát-nhã, không phải ai lý luận thông minh là đạt đạo. Như Lục Tổ không biết một chữ mà thấu được chỗ chân thật là ngộ đạo, ngài A-nan nhớ hết lời Phật dạy, mà sau buông sạch mới chứng được cái chân.

Luận rằng: “Phật chỉ nhận được nhân tâm, không nói đến đạo tâm.” Đâu biết chỗ Phật rất quả trách là nhân tâm, chỗ rất tu là đạo tâm. Có thiện không ác là đạo Phật tâm thì các ác sạch hết muôn thiện đồng về. Có tịnh không nhiễm là đạo Phật tâm thì một mảy bụi không dính, muôn đức tròn sạch. Có thể có dụng ấy là đạo Phật tâm thì lặng mà thường soi, soi mà thường lặng. Lấy không trụ tánh tướng làm tông, lấy sự lý vô ngại làm nguyên tắc, Phật toàn là giác, giác toàn là đạo. Nhân tâm gọi là thức thần, gọi là pháp nhiễm, là sáu căn vọng dụng, là tám thức thịnh hành, là cội gốc sanh tử, là hạt giống trong tam đồ. Sở dĩ Phật chuyên cần tu hành vì trừ riêng tâm này. Bảo rằng: “Phật chỉ nhận được nhân tâm”, thật là không biết Phật đó vậy.

Nhà Nho nói Phật chỉ nhận được nhân tâm mà không nói tới đạo tâm. Nhà Phật dạy người tu bỏ hết những cái xấu như, được tâm thanh tịnh, đó là đạo tâm, tất cả chỗ thể dụng được tròn đầy, là cái dụng của Phật tâm v.v... Như vậy đạo Phật nhận Phật tâm chứ không chấp nhận nhân tâm như nhà Nho nói.

Phật nói không niệm là không vọng niệm, chánh niệm chẳng dẹp bỏ, trí Bát-nhã hiện còn. Ngoại đạo nói không tưởng, chánh niệm bị dẹp bỏ, không có trí Bát-nhã huân quán vậy.

Đây là đối chiếu Phật dạy và ngoại đạo dạy. Phật nói vô niệm là không vọng niệm, chứ không phải không chánh niệm, có chánh niệm là trí tuệ Bát-nhã hiện tiền. Ngoại đạo nói dẹp bỏ hết không còn gì, đó là không có trí Bát-nhã huân quán vậy.

Định hay sanh tuệ, tuệ cũng hay sanh định chăng?

- **Tuệ sanh định lại nhanh hơn định sanh tuệ. Định sanh tuệ như nước lóng đứng các vật thấy soi hình. Tuệ sanh định như ánh sáng ngọn đèn, một phen thắp lên thì tối tăm liền hết. Diệu Hỷ nói: “Người nói tĩnh lặng rồi mới ngộ, ta nói ngộ rồi mới tĩnh lặng. Khi chưa ngộ thì tâm thức lăng xăng, khi ngộ rồi mới khấn niệm một chỗ.”**

Diệu Hỷ là ngài Đại Huệ, nói: Có người nói định (tĩnh lặng) rồi mới ngộ (tuệ), ngài nói ngộ rồi mới định. Tại sao? Vì khi chưa ngộ thì tâm thức lăng xăng, ngộ rồi thì tâm thức dễ khấn niệm một chỗ.

Tu có hai cách: Một là quán lại nội tâm, buông hết vọng tưởng, vọng tưởng hết là định, định rồi sau sẽ sáng lên, đó là tuệ. Hai là dùng trí tuệ Bát-nhã soi thấy thân tâm, cảnh vật đều duyên hợp hư dối, không có gì chân thật nên không dính. Thấy rõ như vậy đó là tuệ. Tâm không dính thì định nhanh hơn. Cho nên có khi chúng ta phải tu quán, có khi phải tu định, tùy theo trường hợp.

- Vô tình là Phật chẳng?

- Vô tình là Phật.

- Người chết lẽ ưng là Phật?

Nói vô tình là vô phàm tình, chẳng phải vô thánh tình.

- Sao gọi là thánh tình? Sao gọi là phàm tình?

Không phân biệt phải quấy, đối trên tất cả cảnh, tất cả pháp, chẳng chấp chẳng trước, ấy gọi là thánh tình. Có phân biệt phải quấy, đối trên tất cả cảnh sanh chấp trước, ấy gọi là phàm tình. Không phàm tình, có thánh tình, có tình mà cũng vô tình vậy.

Nếu vô tình là Phật thì người chết không còn tình thức là Phật rồi. Nhà Phật nói tu là dẹp hết những tình thức, người ta lại hiểu trong đạo Phật không chấp tình. Sự thật là không chấp tình phàm, nhưng có tình thánh. Tình phàm là tình phải quấy, hơn thua, chấp trước... Tình thánh hiện ra khi buông sạch mọi phải quấy, hơn thua, chấp trước.

Hiện giờ chúng ta ai ai cũng có tình mà thuộc tình phàm. Nhắc tới nhắc lui, nói qua nói lại cũng chỉ bao nhiêu việc đó. Quở phàm chỉ thánh, bao nhiêu năm tháng rồi nghe thì nghe mà tình phàm chưa bỏ. Ngồi lại thì nói chuyện phải quấy lằng xằng, tâm không bao giờ trong sáng.

Lời giảng dạy của các thiền sư, dù ở Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam đều không khác nhau, chúng ta nên hiểu rõ để ứng dụng thực hành.